

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Toán – Tin – Công nghệ

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 7

NĂM HỌC 2022 - 2023

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 26

2. Các câu hỏi trọng tâm:

Thống kê

Câu 1: Dữ liệu thống kê thu thập được có thể cho dưới dạng nào? Dữ liệu thu thập được có thể biểu diễn dưới dạng nào?

Câu 2: Nêu thành phần của biểu đồ đoạn thẳng. Ta thường dùng biểu đồ đoạn thẳng trong các trường hợp nào?

Câu 3: Biểu đồ hình quạt tròn được sử dụng trong trường hợp nào? Nêu các yếu tố của biểu đồ hình quạt tròn.

Câu 4: Thế nào là biến cố ngẫu nhiên? Kết quả thuận lợi cho biến cố là gì?

Hình học

Câu 5: Phát biểu các trường hợp bằng nhau của tam giác.

Câu 6: Thế nào là tam giác cân? Tam giác cân có tính chất gì?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

A- TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các phát biểu sau dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Điểm trung bình cuối năm của các môn học;
- B. Xếp loại thi đua khen thưởng của học sinh cuối năm;
- C. Số học sinh đạt loại giỏi môn toán;
- D. Số học sinh dưới trung bình môn toán.

Câu 2. Bảng sau cho biết số con của 30 gia đình trong khu dân cư:

Số con	0	1	2	3
Số gia đình	5	8	15	5

Điểm không hợp lí trong bảng thống kê trên là:

- A. Số con trong một gia đình;
- B. Số gia đình trong khu dân cư;
- C. Tổng số con trong gia đình;
- D. Tổng số gia đình được lấy dữ liệu.

Câu 3. Cho bảng thống kê lượng mưa tại trạm khí tượng Hà Nội trong sáu tháng cuối năm 2017.

Tháng	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	449,1	283,2	266,9	259,7	19,4	47,5

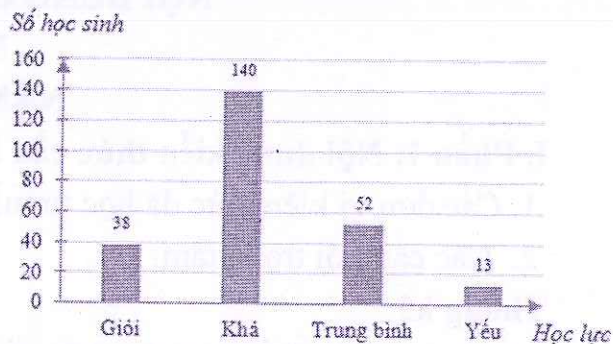
Trong các tháng trên, tháng nào có lượng mưa nhiều nhất?

- A. Tháng 7; B. Tháng 8; C. Tháng 9; D. Tháng 10.

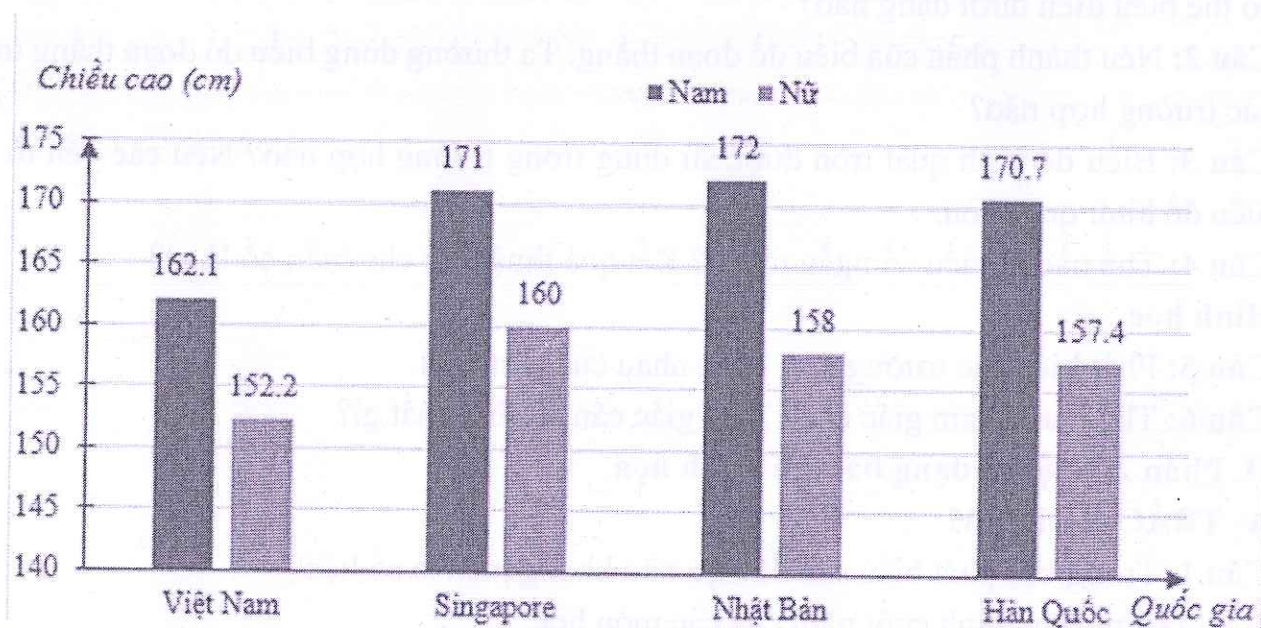
Câu 4. Cho biểu đồ biểu diễn kết quả học tập của học sinh khối 7.

Số học sinh học lực Trung bình ít hơn số học sinh học lực Khá bao nhiêu?

- A. 88 học sinh.
B. 90 học sinh.
C. 92 học sinh.
D. 94 học sinh.



Câu 5. Dưới đây là biểu đồ biểu chiều cao trung bình của nam và nữ ở một số quốc gia châu Á:



Sự chênh lệch chiều cao giữa nam và nữ ở nước nào lớn nhất?

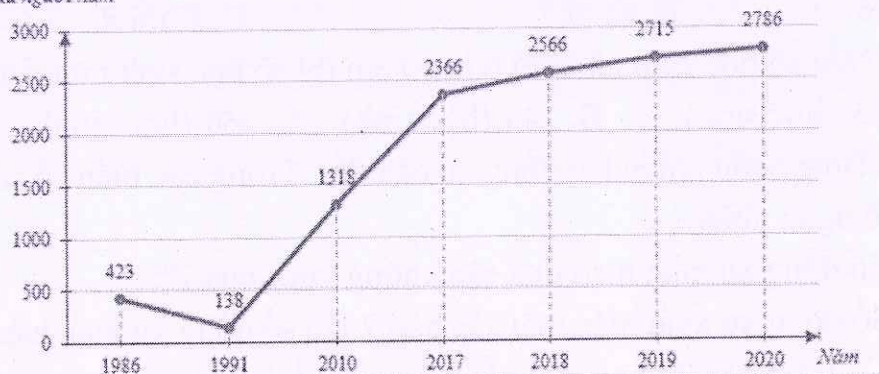
- A. Việt Nam; B. Singapore; C. Nhật Bản; D. Hàn Quốc..

Câu 6. Khẳng định nào sau đây là sai khi nói về biểu đồ đoạn thẳng?

- A. Trục nằm ngang biểu diễn các đối tượng thống kê;
B. Biểu đồ đoạn thẳng là đường gấp khúc nối từng điểm liên tiếp bằng các đoạn thẳng;
C. Mỗi điểm đầu mút của các đoạn thẳng trong đường gấp khúc được xác định bởi một đối tượng thống kê và số liệu thống kê theo tiêu chí của đối tượng đó.
D. Trục nằm ngang biểu diễn tiêu chí thống kê và trên trục đó đã xác định độ dài đơn vị thống kê.

Câu 7. Cho biểu đồ biểu diễn thu nhập bình quân đầu người/năm của Việt Nam (tính theo đô la Mỹ) ở một số năm trong giai đoạn từ năm 1986 đến 2020:

Thu nhập bình quân
đầu người/năm

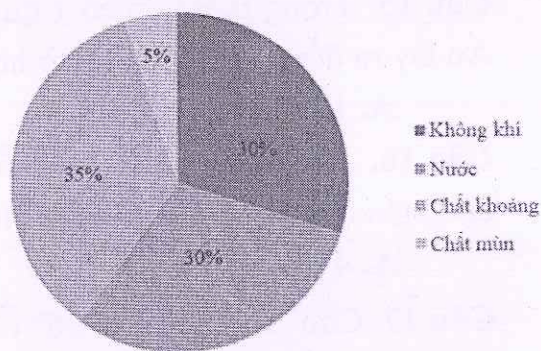


Khẳng định nào sau đây là đúng?

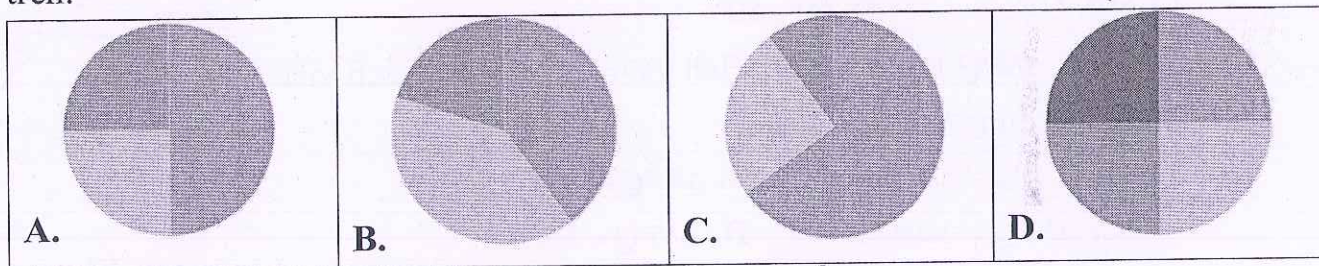
- A. Từ năm 1986 đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người/năm tăng đều;
- B. Từ năm 2019 đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người/năm tăng nhanh nhất;
- C. Thu nhập bình quân đầu người/năm năm 2020 gấp hơn 20 lần năm 1991;
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 8. Biểu đồ dưới đây cho biết tỉ lệ phần trăm thành phần của đất tốt cho cây trồng. Tỉ lệ phần trăm chất khoáng của đất tốt cho cây trồng là bao nhiêu?

- A. 30%;
- B. 35%;
- C. 40%;
- D. 5%;



Câu 9. Một chai nước ép hoa quả bao gồm các thành phần (tính theo tỉ số phần trăm): nho: 65%, táo: 25%, mật ong: 10%. Trong các biểu đồ dưới đây, biểu đồ nào có thể biểu diễn các thành phần của chai nước ép hoa quả trên.



Hãy sử dụng biểu đồ sau để trả lời câu hỏi từ 10 đến 12

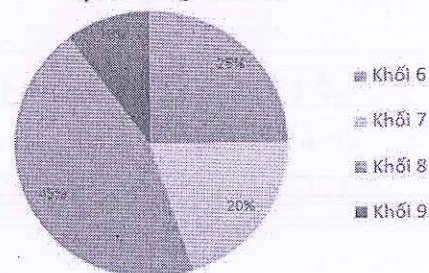
Câu 10. Khối có số học sinh nữ chiếm tỉ cao nhất là:

- A. Khối 6
- B. Khối 7
- C. Khối 8
- D. Khối 9

Câu 8. Tổng tỉ lệ học sinh nữ của khối 8 và khối 9 là

- A. 50%
- B. 55%
- C. 35%
- D. 30%

Tỉ lệ học sinh nữ của các khối lớp
tại trường THCS A



Câu 11. Khối nào có tỉ lệ học sinh nữ là 25%?

A. Khối 6

B. Khối 7

C. Khối 8

D. Khối 9

Câu 12. Nếu số học sinh nữ khối 6 là 60 em thì số học sinh nữ toàn trường là:

A. 245 (học sinh)

B. 246 (học sinh)

C. 250 (học sinh)

D. 240 (học sinh)

Câu 13. Tung ngẫu nhiên hai đồng xu cân đối. Trong các biến cố sau, biến cố nào không là biến cố ngẫu nhiên?

A. “Số đồng xu xuất hiện mặt sấp không vượt quá 2”;

B. “Số đồng xu xuất hiện mặt sấp gấp 2 lần số đồng xu xuất hiện mặt ngửa”;

C. “Có ít nhất một đồng xu xuất hiện mặt sấp”;

D. “Số đồng xu xuất hiện mặt ngửa gấp 2 lần số đồng xu xuất hiện mặt sấp”.

Câu 14. Gieo ngẫu nhiên xúc xắc một lần. Xét biến cố “Mặt xuất hiện có số chấm là số nguyên tố”. Những kết quả thuận lợi cho biến cố trên là:

A. 1, 2, 3;

B. 2, 3, 5;

C. 2, 4, 6;

D. 1, 3, 5.

Câu 15. Trong một hộp có 1 quả bóng xanh và 9 bóng vàng có kích thước giống nhau. An lấy ra đồng thời 2 bóng từ hộp, hỏi có tất cả bao nhiêu kết quả thuận lợi?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 16. Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên gồm 2 chữ số. Có bao nhiêu kết quả thuận lợi cho biến cố “Số tự nhiên được viết ra chia hết cho 9”?

A. 4

B. 9

C. 12

D. 16

Câu 17. Cho $\triangle ABC$ có $\widehat{A} = 96^\circ$; $\widehat{C} = 50^\circ$. Số đo góc B là

A. 34° .

B. 35°

C. 60° .

D. 90° .

Câu 18. Cho hình vẽ bên. Số đo x, y lần lượt là

A. 40° , 50°

B. 50° , 40° .

C. 50° , 60° .

D. 60° , 50° .

Câu 19. Cho $\triangle NPQ$ bằng $\triangle EDH$. Biết $PQ = HD$, $\widehat{Q} = \widehat{D}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

A. $\triangle NPQ = \triangle DEH$.

B. $\triangle NPQ = \triangle HED$.

C. $\triangle NPQ = \triangle DHE$.

D. $\triangle NPQ = \triangle EHD$.

Câu 20. Cho $\triangle ABC$ và $\triangle DEF$ có $\widehat{A} = \widehat{D}$, $\widehat{B} = \widehat{E}$. Để $\triangle ABC = \triangle DEF$ theo trường hợp góc-cạnh-góc phải thêm điều kiện nào sau đây?

A. $AB = DE$

B. $AC = DF$

C. $BC = EF$

D. $\widehat{ACB} = \widehat{DFE}$

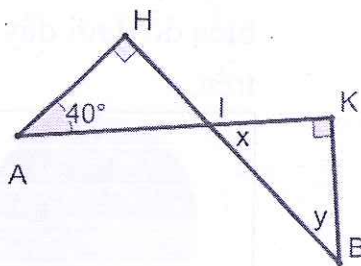
Câu 21. Cho $\triangle ABC$, tia phân giác của góc $\widehat{BAC}$ cắt BC tại D, trên tia AC lấy điểm E sao cho $AB = AE$. Hỏi $\triangle ABD = \triangle AED$ theo trường hợp nào?

A. Cạnh-cạnh-cạnh

B. Cạnh-góc-cạnh

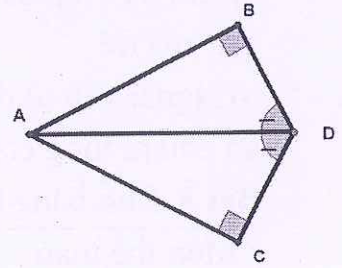
C. Góc-cạnh-góc

D. Góc-góc-góc



Câu 22. Cho hình vẽ bên. $\triangle ABD = \triangle CBD$ theo trường hợp

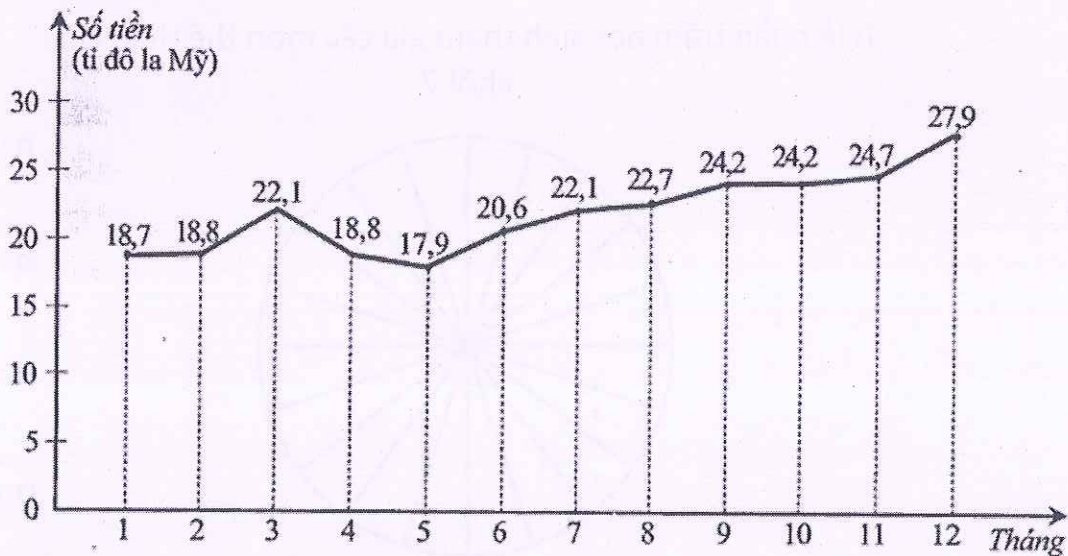
- A. cạnh – góc – cạnh
- B. góc – cạnh – góc
- C. cạnh huyền – cạnh góc vuông
- D. cạnh huyền – góc nhọn



II. TỰ LUẬN

* THỐNG KÊ XÁC SUẤT

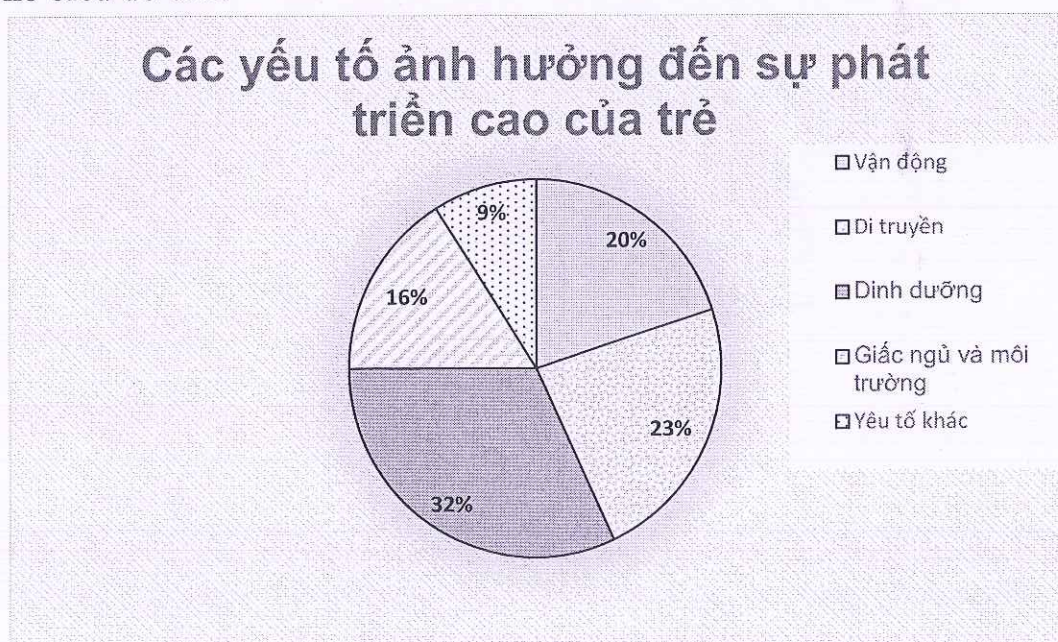
Bài 1. Biểu đồ đoạn thẳng dưới đây biểu diễn giá trị nhập khẩu hàng hóa của nước ta theo từng tháng trong năm 2020



a) Lập bảng số liệu thống kê giá trị thống kê hàng hóa của nước ta theo từng tháng trong năm 2020.

b) Tính tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa của nước ta trong năm 2020.

Bài 2. Cho biểu đồ bên:



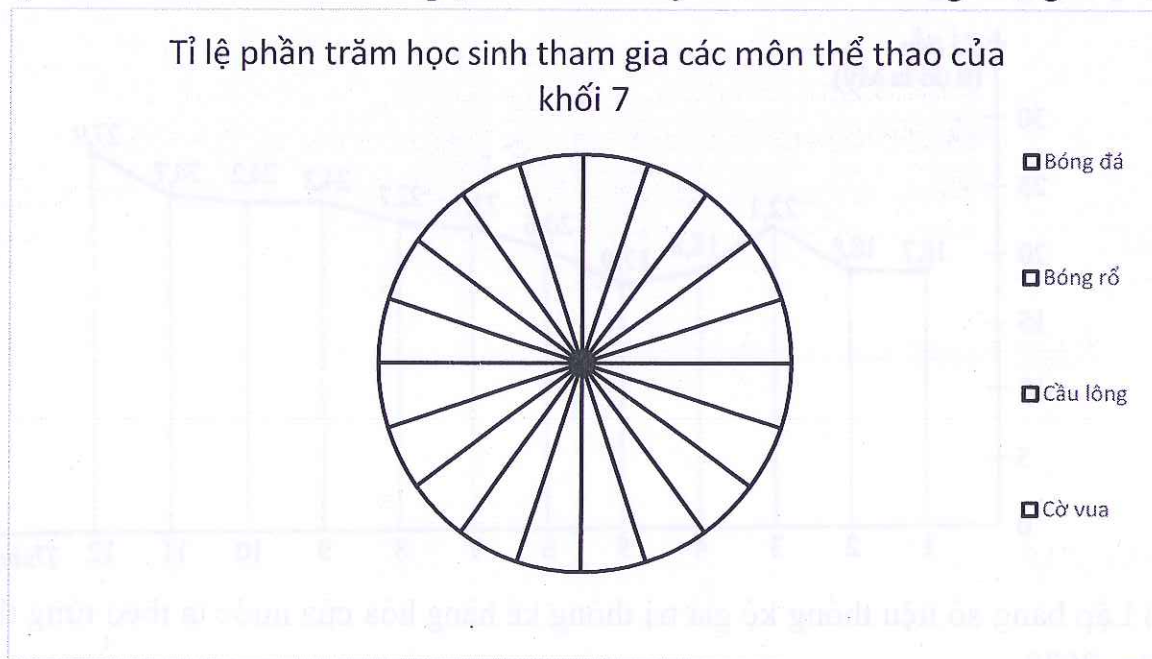
a) Em hãy lập bảng thống kê về mức độ ảnh hưởng (đơn vị %) của các yếu tố đến chiều cao của trẻ.

b) Ngoài yếu tố di truyền, ba yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến chiều cao là gì? Ba yếu tố đó chiếm tổng cộng bao nhiêu phần trăm?

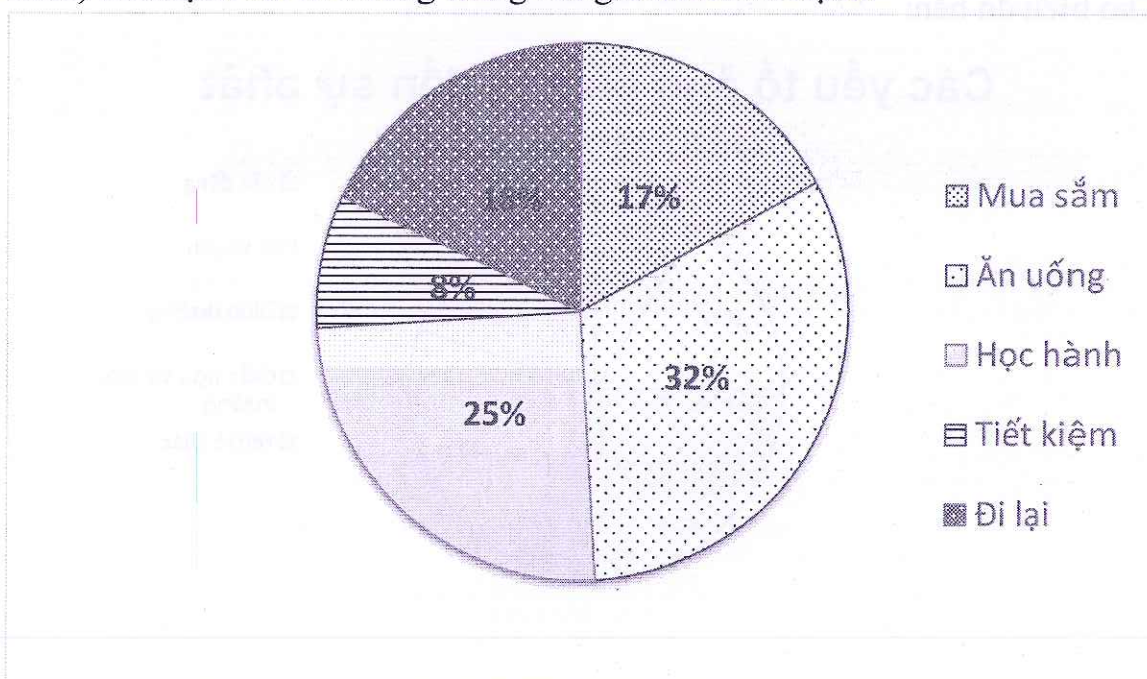
Bài 3. Cho bảng thống kê tỉ lệ phần trăm học sinh tham gia các môn thể thao của khối 7.

Môn thể thao	Bóng đá	Bóng rổ	Cầu lông	Cờ vua
Tỉ lệ phần trăm học sinh tham gia	15	30	25	30

Em hãy hoàn thành biểu đồ hình quạt tròn dưới đây để biểu diễn bảng thống kê trên.



Bài 4. Biểu đồ hình quạt tròn dưới đây biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) kế hoạch chi tiêu hàng tháng của gia đình bác Hạnh.



- a) Theo kế hoạch của gia đình bác Hạnh, có bao nhiêu phần trăm chi tiêu dành cho việc học hành? Ăn uống? Mua sắm? Đi lại? Tiết kiệm?
- b) Theo kế hoạch, số tiền chi tiêu hàng tháng của gia đình bác Hạnh dành cho ăn uống gấp bao nhiêu lần số tiền dành cho đi lại (làm tròn kết quả đến hàng phần mười)?
- c) Tính số tiền gia đình bác Hạnh tiết kiệm hàng tháng theo kế hoạch, biết tổng thu nhập của gia đình bác Hạnh là 30 triệu đồng.

Bài 5. Một hộp có 30 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1, 2, 3, ..., 29, 30; hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác. Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp.

- a) Viết tập hợp M gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số xuất hiện được rút ra.
- b) Xét biến cố “Số xuất hiện trên thẻ được rút ra nhỏ hơn 15”. Nêu những kết quả thuận lợi cho biến cố đó.
- c) Xét biến cố “Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số chia cho 3 và 4 đều có số dư là 2”. Nêu những kết quả thuận lợi cho biến cố đó.

* HÌNH HỌC

Bài 6. Cho $\triangle ABC$ có $AB = AC$. Gọi M là trung điểm của cạnh BC.

- a) Chứng minh $\triangle ABM = \triangle ACM$.
- b) Chứng minh tia AM là phân giác của $\widehat{BAC}$ và $AM \perp BC$.
- c) Biết $\widehat{BAM} = 25^\circ$. Tính số đo các góc của $\triangle ABC$.
- d) Đường thẳng qua B và song song với AC cắt tia AM tại E. Chứng minh $AC = BE = CE$.

Bài 7: Cho $\triangle ABC$ nhọn. Trên tia đối của tia AB lấy điểm M sao cho $AM = AB$. Trên tia đối của tia AC lấy điểm N sao cho $AN = AC$.

- a) Chứng minh $\triangle AMN = \triangle ABC$.
- b) Chứng minh $MN \parallel BC$.
- c) Lấy điểm F thuộc cạnh BC. Trên tia đối của tia AF lấy điểm E sao cho $AE = AF$. Chứng minh ba điểm M, E, N là ba điểm thẳng hàng.

Bài 8. Cho $\triangle ABC$ ($AB < AC$) có M là trung điểm của AC. Trên tia đối của tia MB lấy điểm D sao cho $MB = MD$.

- a) Chứng minh $\triangle AMB = \triangle CMD$
- b) Chứng minh $AD = CB$ và $AD \parallel CB$
- c) Gọi N là trung điểm của AB. Trên tia đối của tia NC lấy điểm K sao cho $NC = NK$. Chứng minh D, A, K thẳng hàng.
- d) Vẽ $CE \perp AD$ ($E \in AD$) và $AF \perp BC$ ($F \in BC$). Chứng minh $DE = BF$.

Bài 9. Cho $\triangle MAB$ nhọn có $MA < MB$. Trên cạnh MB lấy điểm C sao cho $MA = MC$. Tia phân giác của góc AMB cắt cạnh AB tại E. Gọi F là giao điểm của MA và CE.

- a) Chứng minh $EA = EC$.
- b) Chứng minh $\triangle AEF = \triangle CEB$.

c) Gọi H là trung điểm của FB. Chứng minh AB, FC, MH cùng đi qua 1 điểm

Bài 10. Cho ΔABC có $AB = AC$; M là trung điểm của BC.

a) AM là phân giác của góc BAC và $AM \perp BC$.

b) Qua C kẻ đường thẳng song song với AB cắt AM tại D. Chứng minh rằng: M là trung điểm của AD.

c) Qua B kẻ đường thẳng vuông góc AC và cắt AC tại H. Tính số đo góc HBD ?

C. BÀI TẬP NÂNG CAO

Bài 11. Toàn muốn tìm hiểu về khả năng bơi lội của các bạn cùng khối 7 trường mình nên bạn đã chọn 120 bạn bất kì trong khối 7 tham gia khảo sát. Kết quả như sau:

+ Có 30% các bạn tham gia khảo sát chưa biết bơi.

+ Có $\frac{3}{8}$ các bạn còn lại biết bơi.

+ Còn lại là các bạn bơi giỏi.

Toàn khẳng định rằng “Đa phần học sinh trường mình biết bơi“. Kết luận này có đúng không?

Bài 12. Để tìm hiểu về khả năng tự nấu ăn của các bạn học sinh trong lớp 7A, Minh đã chọn 30 bạn bất kì trong lớp tham gia khảo sát. Kết quả như sau:

+ Có 30% các bạn tham gia khảo sát tự đánh giá khả năng nấu ăn **không đạt**

+ Có $\frac{2}{5}$ các bạn tham gia khảo sát tự đánh giá khả năng nấu ăn **đạt**

+ Số các bạn tự đánh giá khả năng nấu ăn **giỏi** bằng $\frac{3}{4}$ số các bạn tự đánh giá nấu ăn **đạt**

+ Còn lại là các bạn tự đánh giá nấu ăn **xuất sắc**.

a) Lập bảng thống kê từ dữ liệu thu được

b) Phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê.

BGH duyệt

TTCM

NTCM



Nguyễn Thị Thu Hằng

Phạm Thị Hải Yến

Phạm Thị Thu Trang

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN - TIN - CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: TIN HỌC
KHỐI:7

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 24:

- Bài 10: Hoàn thiện bảng tính.
- Bài 11: Tạo bài trình chiếu.
- Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Em hãy nêu các bước kẻ đường viền ô và khung bao quanh vùng dữ liệu; các bước in dữ liệu trang tính.

Câu 2: Em hãy nêu các bước tạo trang tính mới, xóa trang tính, chèn trang tính, đổi tên trang tính, sao chép trang tính sang vị trí mới.

Câu 3: Em hãy nêu một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu?

Câu 4: Em hãy nêu công dụng của cấu trúc phân cấp

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1:

- Khởi động: **Microsoft Excel**

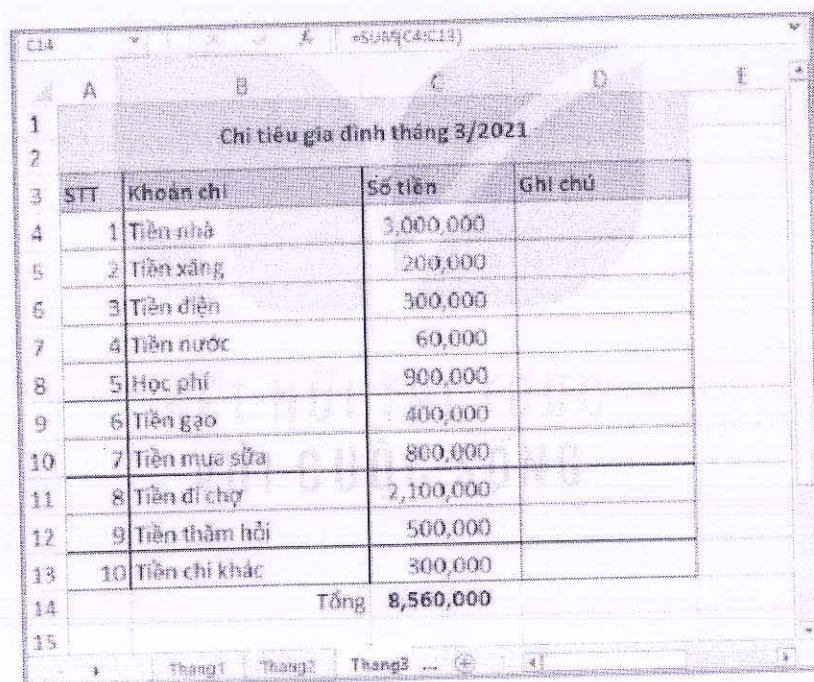
- Chọn phông chữ: **Times New Roman**

- Chọn cỡ chữ: **14**

- Lưu văn bản trong ổ đĩa **D** với tên: **Họ và tên - Lớp – THHK2**

(Ví dụ: *Trần Thủy Tiên - 7A1 – THHK2*)

- Thực hiện gõ nội dung sau vào Excel, định dạng như mẫu ở hình dưới. Ở dòng tính tổng, em hãy thực hiện bằng cách áp dụng hàm phù hợp:



Chi tiêu gia đình tháng 3/2021			
STT	Khoản chi	Số tiền	Ghi chú
1	Tiền nhà	3,000,000	
2	Tiền xăng	200,000	
3	Tiền điện	300,000	
4	Tiền nước	60,000	
5	Học phí	900,000	
6	Tiền gạo	400,000	
7	Tiền mua sữa	800,000	
8	Tiền đi chợ	2,100,000	
9	Tiền thăm hỏi	500,000	
10	Tiền chi khác	300,000	
Tổng		8,560,000	

Hình 10.3

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN – TIN- CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ
HỌC KÌ: II – NĂM HỌC: 2022-2023
MÔN: CÔNG NGHỆ - KHỐI: 7

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 24

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Em hãy nêu các biểu hiện, nguyên nhân, cách phòng và trị bệnh của bệnh tiêu chảy ở gà ?

Câu 2: Em hãy nêu các biểu hiện, nguyên nhân, cách phòng và trị bệnh của bệnh dịch tả ở gà ?

Câu 3: Em hãy nêu các biểu hiện, nguyên nhân, cách phòng và trị bệnh của bệnh cúm gia cầm ở gà ?

Câu 4: Em hãy nêu nhiệm vụ và phẩm chất cần có của bác sĩ thú y và kỹ sư chăn nuôi ?

Câu 5: Nêu cách tạo nền đất gieo ươm cây rừng?

Câu 6: Nêu thời vụ và quy trình gieo hạt trồng rừng ở nước ta?

Câu 7: Nêu quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu và cây con rễ trần?

Câu 8: Trình bày các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng?

Câu 9: Trình bày mục đích và những biện pháp của bảo vệ, khoanh nuôi rừng?

Phần 2: Một số bài tập minh họa

Câu 1. Chăn nuôi có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp thực phẩm hàng ngày cho con người, cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu, cung cấp nguồn phân bón hữu cơ.

B. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến.

C. Cung cấp nguồn phân bón hữu cơ.

D. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

Câu 2. Những biện pháp giúp lĩnh vực chăn nuôi phát triển là:

A. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chăn nuôi hữu cơ; liên kết giữa các khâu chăn nuôi, thu hoạch, chế biến và phân phối để tạo ra sản phẩm chất lượng cao

B. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

C. Chăn nuôi hữu cơ

D. Liên kết giữa các khâu chăn nuôi, thu hoạch, chế biến và phân phối để tạo ra sản phẩm chất lượng cao

Câu 3. Đây là đặc điểm của chăn nuôi nông hộ:

- A. Chăn nuôi tại hộ gia đình có số lượng vật nuôi lớn.
- B. Chăn nuôi tại hộ gia đình có số lượng vật nuôi ít.
- C. Chăn nuôi tại khu riêng biệt, xa nhà, số lượng vật nuôi nhiều.
- D. Chăn nuôi tại khu riêng biệt, xa nhà, số lượng tùy theo từng trang trại.

Câu 4. Một trong những biện pháp chính để bảo vệ môi trường chăn nuôi là:

- A. Vệ sinh chuồng, đưa chất thải xuống ao hồ.
- B. Thải chất thải chăn nuôi ra mương máng.
- C. Vứt xác vật nuôi bị chết ra bãi rác.
- D. Quy hoạch, đưa trại chăn nuôi xa khu dân cư.

Câu 5. Chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi gồm các công việc như:

- A. Cung cấp thức ăn đầy đủ, vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, giữ ấm cho vật nuôi.
- B. Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ.
- C. Giữ ấm cho vật nuôi.
- D. Thả cho vật nuôi tự kiếm ăn.

Câu 6. Biện pháp kĩ thuật nào sau đây không phù hợp với việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non:

- A. Chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi mẹ tốt.
- B. Kiểm tra năng suất thường xuyên.
- C. Giữ ấm cơ thể.
- D. Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non.

Câu 7. Mục tiêu của chăn nuôi đực giống là:

- A. Nhanh lớn, khỏe mạnh.
- B. Nhanh lớn, nhiều nạc.
- C. Cho ra nhiều con giống tốt nhất.
- D. Càng béo càng tốt.

Câu 8. Một số biểu hiện bệnh của vật nuôi là:

- A. Buồn bã.
- B. Buồn bã, chậm chạp, bại liệt, chảy nước mắt, bỏ ăn.
- C. Chảy nước mắt.
- D. Nhanh nhẹn, linh hoạt.

Câu 9. Nguyên nhân nào dưới đây có thể gây dịch, bệnh cho vật nuôi?

- A. Chuồng trại không hợp vệ sinh.
- B. Không cho vật nuôi tiếp xúc với nguồn bệnh.
- C. Tiêm phòng vắc xin đầy đủ cho vật nuôi.
- D. Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng.

Câu 10. Một số biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi

- A. Nuôi dưỡng tốt.
- B. Nuôi dưỡng tốt, chăm sóc chu đáo, vệ sinh môi trường sạch sẽ, cách li tốt, tiêm phòng vắc xin đầy đủ.
- C. Vệ sinh môi trường sạch sẽ, tiêm phòng vắc xin đầy đủ.
- D. Tiêm phòng vắc xin đầy đủ.

Câu 11. Biện pháp trị bệnh cho vật nuôi.

- A. Dùng thuốc.
- B. Phẫu thuật.
- C. Dùng thuốc uống, tiêm, phẫu thuật.
- D. Suối ấm cho vật nuôi.

Câu 12. Chuồng nuôi gà thịt phải đảm bảo các điều kiện nào sau đây?

- A. Vị trí hướng gió lùa và ánh nắng trực tiếp.
- B. Càng kín càng tốt, ấm áp về mùa hè.
- C. Độ ẩm thấp, mát về mùa đông, ấm áp về mùa hè.
- D. Thông thoáng ẩm về mùa đông, mát mẻ về mùa hè.

Câu 13. Thức ăn cho gà đảm bảo đủ mấy nhóm dinh dưỡng

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 14. Nếu nhiệt độ trong chuồng úm thích hợp với nhu cầu cơ thể thì gà con sẽ có biểu hiện nào?

- A. Chụm lại thành đám ở dưới đèn úm.
- B. Tản ra tránh xa đèn úm.
- C. Phân bố đều trên sàn, ăn uống và đi lại bình thường.
- D. Chụm lại một phía trong quây

Câu 15. Ở Việt Nam có những loại vật nuôi phổ biến là:

- A. Gia súc, gia cầm
- B. Gia súc
- C. Gia súc ăn cỏ
- D. Gia cầm

Câu 16. Gà Đông Tảo có đặc điểm như sau:

A. Có đôi chân to, thô; thịt thơm, ngon. Con trống có màu đỏ tía, con mái có lông màu đất sét.

B. Lông màu nâu sáng, lông đuôi màu đen kèm ánh xanh

C. Tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹ, lông có nhiều màu sắc

D. Có 2 màu là màu đen ánh xanh và màu đỏ mận chín

Câu 17. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam là:

A. Chăn nuôi nông hộ; chăn nuôi trang trại B. Chăn nuôi nông hộ

C. Chăn nuôi trang trại

D. Chăn nuôi cá thể

Câu 18. Một số nguyên nhân gây bệnh ở vật nuôi là:

A. Do vi sinh vật gây bệnh

B. Do vi sinh vật gây bệnh; do thừa hoặc thiếu chất dinh dưỡng; do động vật kí sinh; do môi trường sống không thuận lợi

C. Do động vật kí sinh

D. Do môi trường sống không thuận lợi

Câu 19. Trong các nhóm thức ăn sau đây, sử dụng nhóm thức ăn cho gà đảm bảo đủ dinh dưỡng là:

A. Gạo, thóc, ngô, bột cá

B. Bột ngô, cám gạo, rau xanh, cơm nguội

C. Rau muống, ngô, thóc, rau bắp cải

D. Ngô, bột cá, rau xanh, khô dầu lạc, cám gạo

Câu 20. Bệnh nào sau đây có nguyên nhân do môi trường sống không thuận lợi?

A. Bệnh cảm nóng ở gà

B. Bệnh cúm gia cầm

C. Bệnh ghẻ ở chó

D. Bệnh còi xương ở lợn

BGH kí duyệt

TTCM

NTCM



Nguyễn Thị Thu Hằng

Phạm Thị Hải Yến

Dương Thị Tươi

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: NGỮ VĂN- KHỐI: 7

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Văn bản:

***Yêu cầu:** Đọc lại các văn bản, nắm được đặc trưng của các thể loại văn bản: Truyện ngụ ngôn, tục ngữ, truyện khoa học viễn tưởng

2. Tiếng Việt: Thành ngữ, biện pháp tu từ nói quá, mạch lạc và liên kết, dấu chấm lửng

***Yêu cầu:** Nắm được khái niệm, công dụng của các yếu tố TV, biết vận dụng vào đặt câu, viết đoạn văn, bài văn.

3. Viết:

- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

***Yêu cầu:** Nắm được cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống; Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Dạng 1: Đọc- hiểu

Bài 1

RÙA VÀ THỎ

Ở một khu rừng nọ, có một chú thỏ lúc nào cũng chỉ thích khoác lác về tài chạy nhanh như gió của mình. Gặp ai chú ta cũng phải khoe khoang:

- Tôi chạy rất nhanh. Tôi là nhanh nhất đây!

Một mỗi khi ngày nào cũng phải nghe những lời khoe khoang của thỏ và chế nhạo mình chậm chạp, Rùa đưa ra lời thách thức thỏ chạy thi với mình. Tất cả các loài động vật trong rừng đều rất ngạc nhiên khi nghe tin này, và chúng tập trung rất đông để xem rùa và thỏ chạy thi.

Hai bạn thỏ và rùa đứng ở vạch xuất phát sẵn sàng cho cuộc đua. Tất cả động vật trong rừng đồng thanh hô to “1... 2... 3... bắt đầu!”. Thỏ chạy vụt đi rất nhanh, loáng một cái quay lại đã không thấy bóng dáng rùa đâu. Thỏ cười khẩy và quyết định dừng lại để nghỉ ngơi. Nó quay lại nhìn con rùa và mỉa mai:

- Đúng là chậm như rùa, làm sao mà thắng nổi thỏ ta chứ !

Nói đoạn thỏ vươn mình rồi nằm dài ra đường để ngủ.

- Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã. - Thỏ ta thầm nghĩ.

Trong lúc đó, rùa vẫn miệt mài chạy, chạy, chạy mãi không bao giờ dừng. Cho đến lúc rùa vượt qua chỗ thỏ đang nằm ngủ và gần chạm tới vạch kết thúc.

Động vật trong rừng hò hét cổ vũ rất lớn cho rùa, thỏ giật mình tỉnh giấc. Nó lại còn vuron người và ngáp một cách lười biếng rồi mới bắt đầu chạy trở lại, nhưng đã quá muộn. Rùa đã cán đích trước và chiến thắng cuộc đua bằng tinh thần chăm chỉ và nghiêm túc của mình. Thỏ vô cùng xấu hổ và lủi tít vào trong rừng sâu, chẳng còn mặt mũi nào để gặp mọi người.

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ ?

- A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2. Nhân vật chính truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ ?

- A. Rùa. B. Rùa và Thỏ. C. Thỏ. D. Động vật trong rừng

Câu 3. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ ?

- A. Rùa thích chạy thi với Thỏ
B. Thỏ thách Rùa chạy thi
C. Thỏ chê Rùa khiến Rùa quyết tâm chạy thi.
D. Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

Câu 4. Công dụng dấu chấm lửng trong câu: *Tất cả động vật trong rừng đồng thanh hô to “1... 2... 3... bắt đầu!”* ?

- A. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng
B. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm
C. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng
D. Tất cả đều đúng.

Câu 5. Để thể hiện những hành động sai lầm của một nhân vật nào đó, tác giả truyện ngụ ngôn thường đặt nhân vật ấy trước một tình huống có nhiều nguy cơ phạm sai lầm. Tình huống đó trong văn bản Rùa và Thỏ là gì?

- A. Gặp ai chú ta cũng phải khoe khoang.
B. Rùa đưa ra lời thách thức thỏ chạy thi với mình.
C. Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã - Thỏ ta thầm nghĩ.
D. Hai bạn thỏ và rùa đứng ở vạch xuất phát sẵn sàng cho cuộc đua.

Câu 6. Thỏ thể hiện những đặc điểm gì của nhân vật trong truyện ngụ ngôn?

- A. tự cao, tự đại, ngạo nghễ . B. chủ quan, bảo thủ, phiến diện.
C. tự cao, tự đại, chủ quan . D. không lắng nghe ý kiến của người khác .

Câu 7: Vì sao Thỏ thua Rùa

- A. Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.
B. Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.
C. Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.
D. Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

Câu 8. Ghép cột A với cột B sao cho phù hợp với truyện ngụ ngôn ?

Cột A	Cột B
1. Nhân vật	a) Suy nghĩ/ hành động/ lời nói... ẩn chứa những bài học sâu sắc.
2. Hành động	b) Xoay quanh một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm,... có tính chất cường điệu, tạo một ấn tượng rõ rệt, hướng đến một bài học, một lời khuyên,...
3. Cốt truyện	c) Hiểu và tự đúc rút được bài học để tránh những sai lầm trong cuộc sống.
4. Bài học	d) Là loài vật, đồ vật, con người.

1+ ...

2+...

3+...

4+...

Câu 9. Nêu ý nghĩa truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ?**Câu 10.** Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên?**Bài 2.****Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:****ĐÀN KIẾN ĐÈN ƠN**

Trong khu rừng nọ, một đàn kiến sa vào vũng nước. Ở trên cành cây gần bên, có một chú chim nhỏ vừa ra khỏi tổ, thấy động lòng thương, chú bay vụt ra nhặt mấy cọng rác thả xuống làm cầu cho đàn kiến đi qua.

Ngày tháng trôi qua, chú chim ấy cũng không còn nhớ đến đàn kiến nọ. Loài chim nhỏ này rất thích làm tổ trên cành sơn trà bởi vì cành cây tua tủa những gai nhọn hoắt. Sơn trà dùng gai làm vũ khí chống kẻ thù và khi ấy sơn trà che chở luôn cho cả tổ chim.

Mèo, quạ to xác nhưng khó mà len lỏi vào giữa những mũi gai sắc nhọn để đến được gần tổ chim. Nhưng một hôm con mèo rừng xám bắt chắp gai góc cứ tìm cách lần mò tới gần tổ chim nọ. Bỗng từ đâu có một đàn kiến dày đặc đã nhanh chóng tản đội hình ra khắp cành sơn trà nơi có tổ chim đang ở. Mèo rừng hốt hoảng bỏ chạy ngay bởi nó nhớ có lần kiến lọt vào tai đốt đau nhói.

Đàn kiến bị sa vào vũng nước ngày ấy đã không quên ơn chú chim đã làm cầu cứu thoát mình khỏi vũng nước.

Nguồn: Đàn kiến đền ơn - Kho Tàng Truyện Ngụ ngôn Chọn Lọc

1. Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu từ 1 đến 8:**Câu 1.** Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất, số ít.

B. Ngôi thứ nhất, số nhiều.

C. Ngôi thứ hai.

D. Ngôi thứ ba.

Câu 2. Trong đoạn văn thứ nhất, đàn kiến đã rơi vào hoàn cảnh nào?

A. Gặp mèo rừng xám.

B. Sa vào vũng nước.

C. Gặp những mũi gai nhọn hoắt.

D. Gặp quạ to xác.

Câu 3. Trong các câu sau, câu nào có trạng ngữ?

- A. Ngày tháng trôi qua, chú chim ấy cũng không còn nhớ đến đàn kiến nọ.
- B. Loài chim nhỏ này rất thích làm tổ trên cành son trà bởi vì cành cây tua tủa những gai nhọn hoắt.
- C. Sơn trà dùng gai làm vũ khí chống kẻ thù và khi ấy son trà che chở luôn cho cả tổ chim.
- D. Mèo, quạ to xác nhưng khó mà len lỏi vào giữa những mũi gai sắc nhọn để đến được gần tổ chim.

Câu 4. Vì sao chú chim lại chọn cây son trà để xây tổ?

- A. Vì cành cây son trà tua tủa rất nhiều gai nhọn hoắt có thể làm vũ khí chống kẻ thù.
- B. Vì cây son trà có quả rất ngon và chú chim này rất thích chúng
- C. Vì gần cây son trà có vườn rau xanh với nhiều chú sâu béo tốt
- D. Vì xung quanh cây son trà không có con mèo đáng ghét nào cả

Câu 5. Khi thấy đàn kiến sa vào vũng nước, chú chim đã nhặt mấy cọng rác thả xuống làm cầu cho đàn kiến đi qua. Điều đó thể hiện phẩm chất gì của chú chim?

- A. Biết quan tâm, chia sẻ.
- B. Biết giúp đỡ người khác.
- C. Biết bảo vệ môi trường.
- D. Biết ơn với người đã giúp đỡ mình.

Câu 6. Giải thích nghĩa của từ *len lỏi* trong câu văn sau: “Mèo, quạ to xác nhưng khó mà len lỏi vào giữa những mũi gai sắc nhọn để đến được gần tổ chim”.

- A. Len lỏi là chậm rãi, từng bước một.
- B. Len lỏi là tìm mọi cách chui vào.
- C. Len lỏi là khéo léo qua những chật hẹp, khó khăn.
- D. Len lỏi là len, lách một cách rất vất vả.

Câu 7: Sự việc nào sau đây **không** xuất hiện trong truyện?

- A. Một đàn kiến sa vào vũng nước.
- B. Chú chim bay vụt ra nhặt mấy cọng rác thả xuống làm cầu cho đàn kiến đi qua.
- C. Mèo, quạ to xác nên dễ dàng đến được gần tổ chim.
- D. Mèo rùng rốt hoảng bỏ chạy.

Câu 8. Chủ đề của câu chuyện trên là gì?

- A. Lòng biết ơn.
- B. Lòng nhân ái.
- C. Lòng dũng cảm.
- D. Lòng vị tha.

2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9. Hãy rút ra những bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.

Câu 10. Giả sử khi đàn kiến sa vào vũng nước, chú chim không giúp đỡ đàn kiến được. Theo em, khi chú chim gặp nạn, đàn kiến có giúp đỡ chú chim không? Vì sao?

Bài 3.

Đọc văn bản sau:

CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì... Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.

Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

(Con lừa và bác nông dân. TruyenDanGian.Com.)

Câu 1. Truyện Con lừa và bác nông dân thuộc thể loại nào?

- A. Truyện thần thoại.
- B. Truyện ngụ ngôn.
- C. Truyện thuyết.
- D. Truyện cổ tích.

Câu 2. Trong đoạn 1 con lừa đã rơi vào hoàn cảnh (tình huống) nào?

- A. Con lừa sẩy chân rơi xuống một cái giếng.
- B. Đang làm việc quanh cái giếng.
- C. Con lừa bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.
- D. Con lừa xuất hiện trên miệng giếng.

Câu 3. Khi con lừa bị ngã, bác nông dân đã làm gì?

- A. Ra sức kéo con lừa lên.
- B. Động viên và trò chuyện với con lừa.
- C. Ông nhờ những người hàng xóm xúc đất đổ vào giếng.
- D. Ông nhờ hàng xóm cùng giúp sức kéo con lừa lên.

Câu 4. Dấu ba chấm trong câu sau có tác dụng gì ?

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì...

- A. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.
- B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng.
- C. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ, thường có sắc thái hài hước, châm biếm..
- D. Thể hiện sự bất ngờ.

Câu 5. Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa?

- A. Vì ông thấy phải mất nhiều công sức để kéo chú lừa lên.

B. Vì ông không thích chú lừa .

C. Ông nghĩ con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

D. Ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

Câu 6. Theo em, những “xẻng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì?

A. Những nặng nhọc, mệt mỏi.

B. Những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.

C. Là hình ảnh lao động .

D. Là sự chôn vùi, áp bức.

Câu 7. Vì sao chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng?

A. Ông chủ cứu chú lừa thoát ra khỏi cái giếng để không bị chôn vùi.

B. Chú biết giữ sạch đất cát trên người để không bị chôn vùi.

C. Chú lừa giẫm lên chỗ đất cát có sẵn trong giếng để thoát ra.

D. Chú liên tục đứng ngày càng cao hơn trên chỗ cát ông chủ đổ xuống để thoát ra.

Câu 8. Dòng nào dưới đây, thể hiện *đúng nhất* về tính cách của chú lừa?

A. Nhút nhát, sợ chết.

B. Bình tĩnh, khôn ngoan, thông minh.

C. Yếu đuối.

D. Nóng vội nhưng dũng cảm.

Câu 9. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa?

Câu 10 . Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

Bài 4.

Đọc văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Theo Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, tr 36-37)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Văn bản “Thời gian là vàng” thuộc loại văn bản nào? (NB)

- A. Văn bản biểu cảm
B. Văn bản nghị luận
C. Văn bản tự sự
D. Văn bản thuyết minh

Câu 2: Trong văn bản trên người viết đã đưa ra mấy ý kiến để nêu lên giá trị của thời gian? (NB)

- A. 7 B. 6 C. 5 D. 4

Câu 3: Nhận định nào không đúng khi nói văn bản “Thời gian là vàng” là bản về một vấn đề đời sống? (NB)

- A. Bài viết ngắn gọn súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết
- B. Người viết thể hiện rõ ý kiến đối với vấn đề cần bàn bạc
- C. Trình bày những ý kiến, lí lẽ, bằng chứng cụ thể
- D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Câu 4: Từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây được sử dụng theo hình thức liên kết nào? (TH)

“Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. **Nhưng** vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.”

- A. Phép thế. B. Phép lặp. C. Phép liên tưởng. D. Phép nói.

Câu 5: “Bữa đực, bữa cái” trong văn bản có nghĩa là? (TH)

- A. Bữa học bữa nghỉ
C. Kiên trì trong học tập
- B. Học tập chăm chỉ,
D. Chịu khó học tập

Câu 6: Nội dung chính trong văn bản trên là gì? (TH)

- A. Khẳng định giá trị của vàng đối với con người
B. Khẳng định giá trị của thời gian đối với con người
C. Phải biết tận dụng thời gian trong công việc.
D. Ý nghĩa của thời gian trong kinh doanh, sản xuất

Câu 7: Xác định phép lập luận trong văn bản trên. (TH)

- A. Phép lập luận chứng minh, giải thích
B. Trình bày khái niệm và nêu ví dụ
C. Phép liệt kê và đưa số liệu.
D. Phép lập luận phân tích và chứng minh

Câu 8: Ý nào đúng khi nói về “**giá trị của thời gian là sự sống**” từ văn bản trên?
(TH)

- A. Biết nắm thời cơ, mất thời cơ là thất bại.
B. Sự sống con người là vô giá, phải biết trân trọng
C. Kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.
D. Phải kiên trì, nhẫn nại mới thành công.

Câu 9: Em tâm đắc thông điệp nào nhất? Vì sao? (Vận dụng)

Câu 10. Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian? (Vận dụng)

Bài 5:

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THẦY BÓI XEM VOI

Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói mù chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó ra làm sao. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm người chung nhau tiền bảo người quản tượng xin cho con voi đứng lại để cùng xem. Thầy sờ vòi, thầy sờ ngà, thầy sờ tai, thầy sờ chân, thầy thì sờ đuôi. Đoạn năm thầy ngồi lại bàn tán với nhau.

Thầy sờ vòi bảo:

- Tưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó dài như con đũa!

Thầy sờ ngà bảo:

- Không phải, nó cứng như cái đòn càn chứ!

Thầy sờ tai bảo:

- Đâu có! Nó to bè bè như cái quạt thoi!

Thầy sờ chân cãi lại:

- Ai bảo? Nó sừng sững như cái cột nhà!

Thầy sờ đuôi lại nói:

- Các thầy nói không đúng cả. Chính nó tua tủa như cái chổi xể cùn.

Năm thầy, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.

(Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam, tập III,

NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào những bộ phận nào của con voi?

A. Vòi, ngà, tai, chân, đuôi.

B. Vòi, ngà, tai, chân, lưng.

C. Vòi, ngà, mắt, chân, lưng.

D. Tai, mắt, lưng, chân, đuôi.

Câu 2: Truyện “Thầy bói xem voi” được kể bằng lời của ai?

A. Lời của con voi.

B. Lời của ông thầy bói.

C. Lời của người kể chuyện.

D. Lời của người quản voi.

Câu 3: Trong câu sau có bao nhiêu số từ?

“Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biểu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem.”

A. Bốn.

B. Ba.

C. Hai.

D. Một

Câu 4: Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào con voi thật nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào?

A. Xem xét các bộ phận của voi một cách hời hợt, phiến diện, không cụ thể

B. Không xem xét voi bằng mắt mà xem bằng tay.

C. Không xem xét toàn diện mà chỉ dựa vào từng bộ phận để đưa ra nhận xét.

D. Xem xét một cách quá kĩ lưỡng từng bộ phận của voi.

Câu 5: Nguyên nhân sâu xa nào dẫn tới việc tranh cãi của năm ông thầy bói?

A. Do các thầy không có chung ý kiến.

B. Do không hiểu biết, xem xét phiến diện, qua loa, chủ quan sự vật.

C. Do năm ông thầy bói đều cho rằng mình đúng.

D. Do các thầy không nhìn thấy.

Câu 6: Ý nào nói đúng về ý nghĩa của thành ngữ “Thầy bói xem voi”?

A. Nói về cách đánh giá loài vật thông qua hình thức bề ngoài.

B. Nói về những người bị mù làm nghề xem bói.

C. Nói về cách xem xét sự vật, sự việc phiến diện.

D. Nói về sự thiếu hiểu biết, môi trường sống hạn hẹp.

Câu 7: Truyện “Thầy bói xem voi” phê phán điều gì?

A. Phê phán những việc làm vô bổ, không mang lại lợi ích cho bản thân cũng như người khác.

B. Phê phán thái độ khinh thường người khác.

C. Phê phán những nhận xét, đánh giá không có cơ sở hoặc chưa có chứng cứ một cách xác đáng, nhìn nhận sự vật một cách phiến diện.

D. Phê phán thái độ không dám đấu tranh chống cái xấu, cái tiêu cực.

Câu 8: Nhận xét nào đúng với truyện “Thầy bói xem voi”?

A. “Thầy bói xem voi” khuyên chúng ta cần học tập chăm chỉ để mở rộng hiểu biết.

B. “Thầy bói xem voi” khuyên chúng ta cần nhìn nhận sự việc một cách toàn diện, khách quan.

C. “Thầy bói xem voi” khuyên chúng ta phải biết yêu thương, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

D. “Thầy bói xem voi” khuyên ta phải biết bảo vệ ý kiến của bản thân trong mọi hoàn cảnh.

Trả lời câu hỏi:

Câu 9: Em có nhận xét gì về hành động xô xát, đánh nhau của năm ông thầy bói?

Câu 10: Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi đọc truyện “Thầy bói xem voi”?

Dạng II. Viết

Đề 1:

Em hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

Đề 2:

Có ý kiến cho rằng: “Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mãi chơi mà sao nhãng học tập”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

Đề 3:

Hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử mà em yêu thích.

BGH DUYỆT

TỔ TRƯỞNG

NHÓM TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC LAN

LƯU HOÀNG TRANG

TỔNG THỊ HOA

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2022 - 2023
TỔ XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ- HKII
MÔN: Lịch sử và Địa lý - Khối 7

Phân môn: Lịch sử

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập.

Các đơn vị kiến thức từ tuần 19 đến tuần 23 gồm:

- Sự thành lập của nhà Trần
- Tình hình kinh tế- xã hội thời Trần
- Các cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên ở TK XIII

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa.

1. Bài tập trắc nghiệm khách quan:

Câu 1: Ý nào không phản ánh bối cảnh thành lập nhà Trần đầu thế kỉ XIII?

- A. Thành lập trong bối cảnh nhà Lý suy yếu
B. Thế lực họ Trần lớn mạnh trong triều đình
C. Lý Chiêu Hoàng kết hôn với Trần Cảnh và nhường ngôi cho chồng
D. Trần Thủ độ tiến hành đảo chính, đưa Trần Cảnh lên ngôi

Câu 2: Tình hình thương nghiệp nước ta dưới thời Trần như thế nào?

- A. Nhà nước cấm buôn bán, họp chợ.
B. Buôn bán trong nước phát triển, buôn bán với nước ngoài chưa hình thành.
C. Buôn bán trong nước và với nước ngoài đều phát triển.
D. Nhà nước khuyến khích họp chợ nhưng hạn chế ngoại thương.

Câu 3: Nội dung nào sau đây không thuộc chính sách phát triển nông nghiệp dưới thời Trần?

- A. Đẩy mạnh công cuộc khai khẩn đất hoang mở rộng diện tích
B. Cho đắp đê Đình Nhĩ
C. Đặt chức Hà đê sứ để trông coi, đốc thúc việc đắp đê
D. Ban hành phép quân điền

Câu 4: Có nhân xét gì về tổ chức bộ máy nhà nước thời Trần so với các triều đại trước?

- A.Được tổ chức quy củ, đầy đủ hơn, quyền lực tập trung lớn vào tay nhà vua, quý tộc Trần.
- B.Được hoàn thiện, quyền lực tập trung toàn bộ vào tay nhà vua
- C.Vẫn còn đơn giản, quyền lực của nhà vua bị hạn chế
- D.Được tổ chức quy củ hơn, đội ngũ quan lại chủ yếu được tuyển chọn qua con đường thi cử

Câu 5: Điểm giống nhau trong chính sách tổ chức quân đội thời nhà Lý so với thời nhà Trần là

- A. Thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”.
B. Thực hiện nền quốc phòng toàn dân.
C. Xây dựng theo chủ trương “đông đảo, tinh nhuệ”.
D. Xây dựng theo chủ trương “cốt tinh nhuệ, không cốt đông”.

Câu 6: Triều Trần đã sáng tạo ra một chế độ chính trị đặc biệt trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam là

- A.Chế độ “ngụ binh ư nông”
B.Chế độ Thương hoàng- quan gia

- C. Chế độ quân chủ quý tộc
- D. Chế độ điền trang- thái ấp

Câu 7: Một chế độ đặc biệt chỉ có trong triều đình nhà Trần, đó là chế độ gì?

- A. Chế độ Thái thượng hoàng.
- B. Chế độ lập Thái tử sớm.
- C. Chế độ nhiều Hoàng hậu.
- D. Chế độ Nhiếp chính vương.

Câu 8: Quân đội nhà Trần được tổ chức theo chủ trương nào?

- A. Lực lượng càng đông càng tốt.
- B. Quân lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông.
- C. Chỉ tuyển chọn những người thật tài giỏi.
- D. Chỉ sử dụng quân đội của các vương hầu họ Trần.

Câu 9: Bộ luật thành văn được biên soạn dưới thời Trần có tên là

- A. Hình thư
- B. Quốc triều hình luật
- C. Luật Hồng Đức
- D. Hoàng Việt luật lệ

Câu 10. Hệ quả của việc vua Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh là gì?

- A. Nhà Lý kết thúc năm 216 năm tồn tại, nhà Trần thành lập.
- B. Nhà Lý suy yếu nghiêm trọng, họ Trần thu tóm quyền lực.
- C. Nhà Lý phải dựa vào thế lực của họ Trần để duy trì quyền lực.
- D. Vua Lý Chiêu Hoàng và Trần Thái Tông cùng trị vì đất nước.

Câu 11. So với nhà Lý, tổ chức bộ máy nhà nước thời Trần có điểm gì đặc biệt?

- A. Thiết lập chế độ Thái thượng hoàng.
- B. Tổ chức theo mô hình quân chủ chuyên chế.
- C. Không giao chức vụ cao cho người trong hoàng tộc.
- D. Đặt lệ không lập hoàng hậu, không lấy trạng nguyên.

Câu 12. Trong cả 3 lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên (thế kỉ XIII), quân dân nhà Trần đã thực hiện kế sách nào?

- A. Tiên phát chế nhân.
- B. Đánh điểm, diệt viện.
- C. Vườn không nhà trống.
- D. Đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 13. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên (năm 1285), vua Trần đã giao trọng trách Tổng chỉ huy các lực lượng kháng chiến cho vị tướng nào?

- A. Trần Khánh Dư.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Hưng Đạo.
- D. Trần Quang Khải.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của 3 lần kháng chiến chống Mông - Nguyên (thế kỉ XIII)?

- A. Chặn đứng làn sóng xâm lược của quân Nguyên với các nước Đông Nam Á.
- B. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh yêu nước sau này.
- C. Buộc nhà Nguyên phải kiêng nể, thần phục đối với nhà nước Đại Việt.
- D. Đập tan tham vọng, ý chí xâm lược Đại Việt của quân Mông - Nguyên.

Câu 15: Nhà Trần được thành lập năm bao nhiêu?

- A. Năm 1225.
- B. Năm 1226.
- C. Năm 1227.
- D. Năm 1228.

2. Bài tập tự luận.

Câu 1. Trình bày tình hình kinh tế - xã hội nước ta dưới thời Trần?

Câu 2. Trình bày các cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên của nhà Trần?

Câu 3. Sự thành lập của nhà Trần thay cho triều Lý vào đầu TK XIII có phù hợp với yêu cầu lịch sử không? Vì sao?

Phân môn: Địa lý

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập:

1. Các đơn vị kiến thức: Từ tuần 19 đến tuần 24

2. Các câu hỏi trọng tâm

Câu 1. Trình bày sự phân hóa thiên nhiên theo chiều đông- tây ở khu vực Trung và Nam Mỹ?

Câu 2. Phân tích phương thức con người khai thác bền vững tài nguyên đất, nước ở khu vực Bắc Mỹ?

Câu 3. Trình bày một số biện pháp bảo vệ rừng A- ma – đôn?

Câu 4. Trình bày hệ quả địa lí, lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập TNKQ: (Ôn tập từ bài 13 đến bài 18)

Câu 1. Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở:

- A. Bán cầu Đông B. Bán cầu Tây C. Bán cầu Nam D. Bán cầu Bắc.

Câu 2. Kênh đào Pa na ma ở Trung Mỹ nối liền hai đại dương nào?

- A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương B. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương C. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm địa hình Bắc Mỹ?

- A. Miền núi Cooc-di-e cao đồ sộ ở phía tây.
B. Miền đồng bằng ở giữa có độ cao 200-500m.
C. Dãy núi A-pa-lat ở phía đông, hướng đông bắc - tây nam.
D. Gồm một khối cao nguyên khổng lồ.

Câu 4. Khí hậu Bắc Mỹ phân hóa chiều tây - đông và theo độ cao do ảnh hưởng của:

- A. dòng biển. B. vị trí địa lí C. địa hình. D. gió tây ôn đới

Câu 5. Thiên nhiên Bắc Mỹ chủ yếu nằm trong

- A. đới lạnh và đới ôn hòa. B. đới lạnh và đới nóng.
C. đới ôn hòa và đới nóng. D. đới nóng.

Câu 6. Vùng đất ở Bắc Mỹ thường bị các khối khí nóng xâm nhập gây bão, lũ lớn là:

- A. đồng bằng ven biển vịnh Mê-hi-cô. B. miền núi phía tây.
C. ven biển Thái Bình Dương. D. khu vực hồ lớn phía Bắc.

Câu 7. Đô thị lớn nhất của Bắc Mỹ là:

A. Oa-sinh-ton. B. Van-cu-vơ. C. Niu Ooc. D. Toronto.

Câu 8. Tỷ lệ dân thành thị Bắc Mỹ năm 2020 là:

A. 81,6%. B. 82,7% C. 82,5%. D. 82,6%.

Câu 9. Người Anh-điêng và người E-xki-mô ở Bắc Mỹ có nguồn gốc từ

A. châu Âu B. châu Á C. châu Phi D. châu Đại Dương

Câu 10. Ở phía tây khu vực Trung Mỹ có thảm thực vật nào là chủ yếu?

A. rừng mưa nhiệt đới. B. hoang mạc. C. xa van, rừng thưa. D. rừng hỗn hợp.

Câu 11. Hoang mạc nào là hoang mạc khô cạn nhất thế giới ở Trung và Nam Mỹ?

A. Gô-bi. B. Xa-ha-ra. C. A-ta-ca-ma. D. Ca-la-ha-ri.

Câu 12. Phân hóa thành hai mùa: mùa mưa - khô rõ rệt với rừng thưa nhiệt đới là đặc điểm của đới khí hậu nào?

A. Đới khí hậu xích đạo. B. Đới khí hậu cận xích đạo.

C. Đới khí hậu nhiệt đới. D. Đới khí hậu cận nhiệt.

Câu 13. Diện tích rừng A-ma-dôn phần lớn tập trung ở quốc gia nào?

A. Bô-li-vi-a. B. Cô-lôm-bi-a. C. Bra-xin. D. Guy-a-na.

Câu 14. Sự độc đáo của nền văn hoá Mỹ La-tinh là do:

A. Trung và Nam Mỹ Có nhiều nền văn hoá cổ.

B. du nhập văn hoá châu Âu.

C. du nhập văn hoá châu Phi.

D. sự pha trộn nhiều nền văn hoá ở Trung và Nam Mỹ.

Câu 15. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về vấn đề đô thị hóa ở khu vực Trung và Nam Mỹ?

A. Hình thành các dải siêu đô thị lớn

B. Tốc độ đô thị hóa thấp

C. Đa số là các đô thị vừa và nhỏ

D. Tốc độ đô thị hóa nhanh nhất thế giới

BGH

TTCM

NTCM



Nguyễn Ngọc Lan

Lưu Hoàng Trang

Nguyễn.T.Thảo
Hoàng Thị Liên

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức từ tuần 19 đến tuần 24 Gồm :

- Phòng chống bạo lực học đường
- Quản lý tiền

2. Câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là bạo lực học đường? Trình bày nguyên nhân, biểu hiện và tác hại của bạo lực học đường? Nêu cách ứng phó với bạo lực học đường? Em đã làm gì để phòng chống bạo lực học đường?

Câu 2: Thế nào là quản lý tiền hiệu quả? Trình bày nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả? Vì sao cần phải sử dụng tiền một cách hợp lí, hiệu quả? Theo em, để quản lí tiền hiệu quả, học sinh cần phải làm gì?

II. Phần 2 Một số dạng bài tập minh họa :

1. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Hành vi nào dưới đây không phải là biểu hiện của bạo lực học đường?

- A. Lãng mạ, xúc phạm.
- B. Đe dọa, khủng bố.
- C. Đến trễ hẹn.
- D. Cô lập, tẩy chay.

Câu 2: Sự thiếu hụt về kiến thức, kĩ năng sống và đặc điểm tâm, sinh lí của lứa tuổi học sinh là một trong những nội dung nào của bạo lực học đường?

- A. Nguyên nhân.
- B. Hậu quả.
- C. Biểu hiện
- D. Biện pháp phòng chống.

Câu 3: “Chỉ mua những thứ thực sự cần với khả năng chi trả” được gọi là:

- A. keo kiệt, bủn xỉn.
- B. chi tiêu tiết kiệm, hà tiện.
- C. chi tiêu có kế hoạch.
- D. quản lí tiền thiếu hiệu quả.

Câu 4: Câu tục ngữ ngữ ngữ nào dưới đây phê phán việc tiêu xài hoang phí?

- A. Ném tiền qua cửa sổ.
- B. Ăn chắc, mặc bền.
- C. Cửa đi thay người.
- D. Năng nhặt, chặt bị.

Câu 5: Số điện thoại đường dây nóng bảo vệ trẻ em là:

- A. 111.
- B. 112.
- C. 113.
- D. 114.

II. BÀI TẬP

Câu 1. Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây. Vì sao?

- a/ Bạo lực học đường chỉ có một biểu hiện là đánh nhau.
- b/ Việc phòng, chống bạo lực học đường là trách nhiệm riêng của ngành Giáo dục.
- c/ Chi tiêu hợp lí là mua bất cứ thứ gì mình thích với số tiền mình có.

d/ Quản lý tiền là việc không cần thiết, tốn thời gian, nên dùng thời gian đó để kiếm tiền thì tốt hơn.

Câu 2. Cho tình huống sau:

Đầu năm mới, H nhận được một khoản tiền mừng tuổi và dự định dùng số tiền đó để mua một chiếc máy tính cầm tay. Nhưng khi thấy cửa hàng gần nhà bán một đồ chơi hấp dẫn, H đã dùng hết số tiền này để mua mà quên mất dự định của mình.

- a) Em có nhận xét gì về việc làm của H?
- b) Nếu em là bạn của H, em sẽ khuyên H như thế nào?

Câu 3. Cho tình huống sau:

K và C đều là học sinh lớp 7A. Do xích mích với nhau trên mạng xã hội, K đã hẹn gặp C để giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi gặp nhau, hai bạn đã xảy ra xô xát.

- a) Theo em, ai là người bị bạo lực học đường trong tình huống trên?
- b) Em hãy chỉ ra nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường trong tình huống đó

Câu 4. Cho tình huống sau

Giờ ra chơi, V nhìn thấy trong cặp sách của N có một cuốn nhật kí nên đã giật lấy. N đuổi theo yêu cầu V trả lại nhưng V không trả mà còn mở cuốn nhật kí và đọc vài câu cho các bạn khác cùng nghe để trêu chọc N. N rất tức giận với hành vi của V nhưng không biết nên làm gì?

- a/ Bạn V làm vậy là đúng hay sai? Vì sao?
- b/ Nếu là N, em sẽ xử lý tình huống này như thế nào? Vì sao?

Nhóm trưởng

TTCM



Phùng Thị Vui

Lưu Hoàng Trang

Nguyễn Ngọc Lan

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH- NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: TIẾNG ANH
KHỐI: 7

I. PART 1: KNOWLEDGE

Vocabulary, Pronunciation and Grammar from unit 7 to unit 9

*** Vocabulary**

Words/ Phrases related to the topic in Unit 7,8,9 (Traffic, Films and Festivals around the world)

*** Pronunciation**

- Sounds: /aɪ/, /eɪ/, /ɪə/, /eə/
- Word stress (in two-syllable words...)

*** Grammar**

- Ask & answer about distance
- Modal verbs: Should / Shouldn't
- Connectors: although / though, however
- Yes / No questions

*** Everyday English**

- Expressing disappointing
- Accepting & declining suggestions

II. PART 2: EXERCISES

A. Multiple choice

Choose the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part is pronounced differently from the others

- | | | | |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1. A. r <u>i</u> de | B. s <u>i</u> gn | C. traff <u>i</u> c | D. f <u>i</u> ne |
| 2. A. clos <u>e</u> d | B. stopp <u>e</u> d | C. wash <u>e</u> d | D. danc <u>e</u> d |
| 3. A. n <u>e</u> ar | B. h <u>e</u> ad | C. f <u>e</u> ar | D. h <u>e</u> ar |
| 4. A. rom <u>a</u> ntic | B. celebrat <u>i</u> on | C. railw <u>a</u> y | D. pav <u>e</u> ment |
| 5. A. fest <u>i</u> ve | B. veh <u>i</u> cle | C. docum <u>e</u> ntary | D. helic <u>o</u> pter |

Choose the letter A, B, C or D to indicate the word which has a different stress pattern from the others

- | | | | |
|--------------------|-------------|------------|------------|
| 6. A. parade | B. culture | C. dancer | D. answer |
| 7. A. compete | B. perform | C. prefer | D. horror |
| 8. A. scary | B. visual | C. effect | D. special |
| 9. A. greasy | B. funny | C. Easter | D. machine |
| 10. A. embarrassed | B. cultural | C. violent | D. comedy |

Choose the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to the following sentences

11. You _____ put the rubbish in the waste bin over there

- A. should B. shouldn't C. would D. can't

12. Summerfest is the world's largest _____ festival. It features more than 700 bands performing on 11 stages.

- A. superstitious B. music C. religious D. seasonal
13. Is Minh _____ with the final semester's result?
- A. satisfy B. satisfied C. satisfying D. be satisfying
14. _____ we planned everything carefully, a lot of things went wrong.
- A. Although B. Because C. But D. When
15. People throw tomatoes _____ each other at La Tomatina in Bunol.
- A. on B. to C. at D. for
16. Critics say *Midnight Run* is a must –see _____ it is funny and exciting.
- A. although B. because C. nevertheless D. despite
17. This is a(n) _____ on real life during wars in Vietnam in 1945.
- A. horror film B. sci-fi C. comedy D. documentary
18. It's about 2 kilometers _____ my house _____ school.
- A. between/and B. from/to C. between/to D. from/ and
19. I found the book so _____ that I couldn't put it down.
- A. gripping B. annoying C. exhausting D. shocking
20. _____ you make lanterns at the festival?

Yes, I do. It's one of my favourite festival

- A. Are B. Were C. Did D. Will
21. Not many people went to see the film; _____, it received good reviews from critics.
- A. however B. despite C. but D. although
22. The Rio Carnival is the biggest and most famous, with the most lively _____.
- A. celebrated B. celebrations C. celebrate D. celebratory
23. He forgot to give a _____ before he turned left and got a ticket.
- A. signal B. sign C. light D. hand
24. This morning, I was _____ in a traffic jam and got to school fifteen minutes late.
- A. catch B. block C. struck D. stuck

Choose the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.

25. "How about going to the cinema tonight?"
- A. That's a great idea. B. Oh, I totally agree.
- C. It sounds crazy. D. OK, that's interesting.
26. How was the music festival last Sunday?
- A. Yes, it is B. It was disappointing
- C. It sounds great D. You must be so frustrated.

Choose the letter A, B, C or D to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following sentences

27. "Mr. Bean's Holiday" is a hilarious film. I was laughing from beginning to end.
- A. funny B. violent C. scary D. moving
28. It usually happens in February, and South American people celebrate it in different ways.
- A. performs B. parades C. gets on D. takes place

Choose the letter A, B, C or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following sentences.

29. She felt embarrassed at being the centre of attention.

A. shy B. confident C. surprised D. terrified

30. Tom Hanks has won two Oscars for Best Actor.

A. made B. held C. achieved D. lost

Choose the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction

31. The film was so boring, so Jack saw it from the beginning to end.

A. was B. so C. it D. to

32. What I like about festivals is that they show the culture values of different communities.

A. festivals B. like C. different D. culture

Read the passage and choose the letter A, B, C or D to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks

Two of the most important holidays in the United States are Independence Day and Thanksgiving Day. The fourth of July marks the American declaration of independence from Britain. Most towns, big or small, celebrate the fourth of July with parades and fireworks. Families (33) _____ with barbecues or picnics. Thanksgiving Day is celebrated in fall, on the fourth Thursday in November. It is a day when people give thanks to the harvest. Most families (34) _____ a large dinner with roast turkey. (35) _____ Independence Day and Thanksgiving Day are national (36) _____.

33. A. celebrating B. celebration C. celebrate D. celebrated

34. A. have B. buy C. help D. take

35. A. Besides B. Both C. Either D. Or

36. A. chances B. months C. holidays D. times

Read the following passage and choose the letter A, B, C or D that best answers each of the questions about it

Large cities often have problems that small towns and rural areas do not have. Two of the biggest problems are heavy traffic and the pollution that cars create. Of course, Traffic problems and pollution are not only found in big cities. However, the higher populations and larger number of cars on the roads in cities can make the problems happen more often and with more noticeable effects.

One of the most common traffic problems the large cities have is congestion. As the population of a city increases, so does the number of cars on the road. Cities cannot always improve the number and size of their roads and highways to keep up with the number of cars. The result is traffic congestion, or traffic jams.

When traffic jams happen, cars that are stuck in the congestion continue to run their engines. This creates pollution and is a big problem. Pollution causes health problems for the people in cities and also hurts the environment.

37. Where do traffic problems and pollution frequently happen?

A. small towns B. rural areas C. big cities D. remote villages

38. According to the passage, what causes traffic congestion in big cities?

A. A lot of city dwellers B. Too many cars on the roads
C. Careless drivers D. Less traffic signs on the streets

39. The highway and road network is _____ of meeting the requirement of increasing number of vehicles.

40. Which of the followings is NOT true?

- ### B. Writing

1. all/ it/ Although/ film/ the/ has/ plot/ a/ very/ simple/ we/ enjoyed.

- Combine or rewrite the sentences, using suggested words to keep the meaning unchanged*

- TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM

BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II – MÔN GDTC

NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN THỂ DỤC- KHỐI 7

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung TTTC (Cầu Lông)

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện hoàn chỉnh các động tác của TTTC môn Cầu lông

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Anh – Năng khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ - HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: Nghệ thuật (Mĩ thuật)

KHỐI: 7

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

- Kiến thức về cách tạo một bức tranh ghép.
- Kiến thức về cách tạo một nhân vật 3D. Chất liệu dây thép, đất nặn.

II. Phần 2: Đề bài minh họa

Đề bài 1: Em hãy tạo một bức tranh ghép từ các mảnh giấy màu mà em yêu thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.

Đề bài 2: Em hãy tạo một nhân vật 3D. Chất liệu dây thép, đất nặn. Kích thước khổ giấy A6.

Đề bài 3: Em hãy vẽ lại bức tranh Nụ cười bí ẩn của Nàng Molanira của Leonardo De Vinci. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.

Người lập

NTCM

TTCM

BGH duyệt



Vũ Thị Hương Giang

Vũ Hồng Tâm

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

Nguyễn Ngọc Lan

/

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC
KÌ II

NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN: NGHỆ THUẬT – KHỐI 7

I, KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 2 bài hát:

- Mùa xuân ơi
- Santa Lucia

2. Ôn phần nhạc lí

- Các kí hiệu tăng trường độ
- Một số kí hiệu, thuật ngữ về nhịp độ và sắc thái cường độ.

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 4.

II, KỸ NĂNG – KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài: hát đúng kĩ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN

III, HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học của các lớp
- Kiểm tra theo nhóm hoặc từng học sinh



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhân

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 24.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nêu tính chất từ của nam châm, tương tác giữa hai nam châm.

Câu 2: Có thể phát hiện sự tồn tại của từ trường bằng cách nào? Từ phổ là gì?

Câu 3: Nêu cách xác định chiều đường sức từ. Trình bày về từ trường Trái Đất. Nêu cấu tạo và cách sử dụng la bàn.

Câu 4: Nêu cấu tạo và ứng dụng của nam châm điện?

Câu 5: Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng.

Câu 6: Khái niệm quang hợp, các yếu tố chủ yếu ngoài môi trường ảnh hưởng đến quang hợp?

Câu 7: Trình bày thí nghiệm chứng minh quang hợp tạo tinh bột, giải phóng oxygen

Câu 8: Thí nghiệm hô hấp tế bào, một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Trái Đất là một nam châm khổng lồ vì:

- A. Trái Đất hút mọi vật về phía nó.
- B. kim của la bàn đặt trên mặt đất luôn chỉ theo hướng Bắc – Nam.
- C. Trái Đất có Bắc cực và Nam cực.
- D. ở Trái Đất có nhiều quặng sắt.

Câu 2: Mạt sắt đặt ở chỗ nào trên thanh nam châm thì bị hút mạnh nhất?

- A. Ở phần giữa của thanh
- B. Chỉ ở đầu cực Bắc của thanh nam châm.
- C. Chỉ ở đầu cực Nam của thanh nam châm.
- D. Ở cả hai đầu cực Bắc và Nam của thanh nam châm.

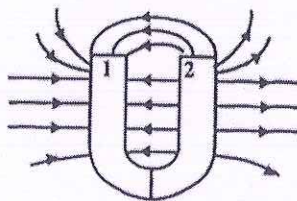
Câu 3: Người ta sử dụng lõi kim loại nào để chế tạo ra nam châm điện?

- A. Lõi nhôm.
- B. Lõi đồng.
- C. Lõi thép.
- D. Lõi sắt non.

Câu 4: Từ trường không tồn tại ở đâu?

- A. Xung quanh nam châm.
- B. Xung quanh dòng điện.
- C. Xung quanh một thỏi nhôm.
- D. Xung quanh trái đất.

Câu 5: Hình vẽ dưới đây biểu diễn đường sức từ của nam châm chữ U.



Hãy cho biết các cực từ 1 và 2 là các từ cực nào?

- A. 1 là cực Nam, 2 là cực Bắc.
- B. 1 là cực Bắc, 2 là cực Nam.
- C. 1 là cực Nam, 2 là cực Nam
- D. 1 là cực Bắc, 2 là cực Bắc.

Câu 6 : Đưa cực nam của một nam châm lại gần một thanh kim loại, thanh bị hút. Sau đó, đưa cực bắc lại gần, thanh vẫn bị hút.

Chọn kết luận đúng nhất.

A. Thanh kim loại làm bằng nhôm.

B. Thanh kim loại là một nam châm.

C. Thanh kim loại làm bằng đồng.

D. Thanh kim loại làm bằng sắt.

Câu 7: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng có vai trò quan trọng đối với

A. sự chuyển hóa của sinh vật

C. sự trao đổi năng lượng

B. sự biến đổi các chất

D. sự sống của sinh vật

Câu 8: Sản phẩm của quang hợp là

A. nước, carbon dioxide

C. oxygen, glucose

B. ánh sáng, diệp lục

D. glucose, nước

Câu 9: Loài sinh vật nào sau đây có khả năng quang hợp?

A. Cá chép.

C. Voi.

B. Trùng roi.

D. Nấm rơm.

Câu 10: Khi nuôi cá cảnh trong bể kính, có thể làm tăng dưỡng khí cho cá bằng cách nào?

A. Thả rong hoặc cây thủy sinh khác vào bể cá.

C. Thắp đèn cả ngày và đêm.

B. Tăng nhiệt độ trong bể.

D. Đổ thêm nước vào bể cá.

Câu 11: Ở sinh vật nhân thực, quá trình hô hấp tế bào diễn ra trong bào quan là

A. ti thể.

C. ribosome.

B. lục lạp.

D. nhân tế bào.

Câu 12: Trong quá trình hô hấp tế bào, chất hữu cơ bị phân giải thành sản phẩm cuối cùng là

A. carbon dioxide và nước.

C. oxygen và nitrogen.

B. carbon dioxide và oxygen.

D. oxygen và nước.

Câu 13: Quá trình chuyển hóa năng lượng nào sau đây diễn ra trong hô hấp tế bào?

A. Nhiệt năng → hóa năng.

C. Hóa năng → nhiệt năng.

B. Hóa năng → điện năng.

D. Quang năng → hóa năng

Câu 14: Hô hấp tế bào là

A. quá trình phân chất hữu cơ (chủ yếu là tinh bột) diễn ra bên trong tế bào, đồng thời giải phóng năng lượng để cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể.

B. là quá trình phân chất hữu cơ (chủ yếu là glucose) diễn ra bên ngoài tế bào, đồng thời giải phóng năng lượng để cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể.

C. là quá trình phân chất hữu cơ (chủ yếu là glucose) diễn ra bên trong tế bào, đồng thời giải phóng năng lượng để cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể.

D. quá trình phân chất hữu cơ (chủ yếu là tinh bột) diễn ra bên ngoài tế bào, đồng thời giải phóng năng lượng để cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể.

Câu 15: Biện pháp nào sau đây là hợp lý để bảo vệ sức khỏe hô hấp ở người?

A. Tập luyện thể thao với cường độ mạnh mỗi ngày.

B. Ăn thật nhiều thức ăn có chứa glucose để cung cấp nguyên liệu cho hô hấp.

C. Tập hít thở sâu một cách nhẹ nhàng và đều đặn mỗi ngày.

D. Để thật nhiều cây xanh trong phòng ngủ.

2. BÀI TẬP TỰ LUẬN:

Câu 1: Nêu các đặc điểm của lá cây phù hợp với chức năng quang hợp.

Câu 2: Viết phương trình quang hợp và hô hấp tế bào. So sánh phương trình hô hấp với phương trình quang hợp?

Câu 3: Giải thích các hiện tượng sau:

- a. Khi đói, cơ thể người thường cử động chậm và không muốn hoạt động?
- b. Con người khi ở trên đỉnh núi cao thường thở nhanh hơn so với khi ở vùng đồng bằng?
- c. Trong nhiều siêu thị, rau tươi được đóng gói trong túi nylon có đục lỗ và để trong ngăn mát, trong khi khoai tây, cà rốt lại không cần bảo quản như vậy
- d. Lá cây bị héo khi tách ra khỏi thân cây.

Câu 4: Xác định cực của nam châm thẳng khi biết chiều của kim nam châm đặt tại vị trí như hình vẽ. Vẽ và xác định chiều đường sức từ xung quanh nam châm thẳng trong các trường hợp dưới đây.

a.



b.



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Đỗ Minh Phụng

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG – KHỐI 7
Năm học 2022 - 2023**

A. PHẠM VI ÔN TẬP: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 24

Chủ đề 5: Sản vật Hà Nội

Chủ đề 6: Đất rồng Long Biên – Bò Đê

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

Câu 1: Em hãy trình bày sự hình thành của làng nghề rắn Lệ Mật

Câu 2: Em hãy kể tên những sản vật tiêu biểu của thành phố Hà Nội, các di tích lịch sử trên quận Long Biên mà em biết.

Câu 3: Em hãy giới thiệu một di tích lịch sử ở quận Long Biên.

Câu 4: Em cần làm để có thể *giữ gìn, tuyên truyền giới thiệu* cho các sản vật của Hà Nội; các di tích lịch sử ở quận Long Biên ra với thế giới?



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

NTCM

Hoàng Hà My

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP – KHỐI 7
Năm học 2022 - 2023**

A. PHẠM VI ÔN TẬP: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 24

Chủ đề 5: Em với gia đình

Chủ đề 6: Em với cộng đồng

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

Câu 1: Em hãy nêu những hoạt động lao động tại gia đình mà em đã chủ động, tự giác thực hiện?

Câu 2: Em hãy chia sẻ 2 tình huống mà em biết về việc lắng nghe tích cực khi tiếp nhận ý kiến đóng góp và chia sẻ từ các thành viên trong gia đình?

Câu 3: Em đã thực hiện được những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa và tôn trọng sự khác biệt khi tham gia các hoạt động cộng đồng như thế nào?

Câu 4: Em hãy lập kế hoạch một hoạt động thiện nguyện phù hợp mà em có thể tham gia được?



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

NTCM

A blue ink signature.

Nguyễn Tú Anh

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HK II MÔN:
TIẾNG NHẬT LỚP 7
Năm học: 2022-2023

I/ Giới hạn ôn tập:

- Từ vựng đã học từ bài 7 đến bài 8.
- Chữ Hán từ bài 5 đến bài 8.
- Cấu trúc ngữ pháp từ bài 7 đến bài 8.

II/ Tóm tắt kiến thức:

BÀI 7

1. (Địa điểm, cơ quan, tổ chức) bắt đầu từ ~ đến ~

Place は Time から Time までです。

VD: スーパーは ごぜん 9 じから よる 10 じまでです。

2. (Người) (làm) từ ~ đến ~

S は Time から Time まで V ます。

VD: ミンさんは 8 時から 9 時半まで がっこうで べんきょうします。

3. Diễn tả nơi xảy ra hành động

Place で V ます。

VD: スーパーで くつを かいます。

(?) Câu hỏi có từ nghi vấn:

Q: どこで V ますか

A: Place で V ます。

VD:

A: どこで ほんを よみますか。

B: としょかんで よみます。

Lưu ý: Phân biệt sự khác nhau với cấu trúc: 「Place に あります/います」

Place で V ます。 - chỉ nơi xảy ra hành động. VD: きょうしつで にほんごを べんきょうします。	Place に N が あります/います。 - cho biết địa điểm, vị trí của sự vật/ con người, con vật. VD: かばんのなかに ペンケースが あります。
---	---

4. Thời gian thực hiện hành động:

Time に V ます。

ごろ

Lưu ý:

に 表し 1 cách chính xác thời điểm thực hiện hành động.

ごろ 表し 1 cách tương đối thời điểm thực hiện hành động.

VD: まいにち 10 時に ねます。

(?) Câu hỏi có từ nghi vấn:

Q: 何時に／ごろ V ますか。

A: Time に／ごろ V ます。

VD:

A: 何時ごろ ばんごはんを たべますか。

B: ごご6時ごろ たべます。

BÀI 8:

1. Lượng thời gian thực hiện hành động:

Lượng thời gian (ぐらい) V ます。

VD: いちにちに 8 時間ぐらい ねます。

(?) 何時間 : mấy tiếng?

どのくらい : bao nhiêu lâu?

2. Tần suất thực hiện hành động

いつも／ときどき／あまり	+ V ます。
あまり	+ V ません。

VD: マイさんは あまり やさいを たべません。

III/ Bài tập vận dụng:

Bài 1: Hãy viết cách đọc các chữ Hán sang Hiragana hoặc ngược lại:

	ひらがな		かんじ
1. 五時		7. おおきい	
2. 大学		8. はちじかん	
3. 何時間		9. じゅうにじ	
4. 毎日		10. しろい	
5. 小学校		11. ちいさい	
6. 11時半		12. たかい	

Bài 2: Điền từ thích hợp vào trong ngoặc:

1. まいあさ うちで ごはん () たべます。

2. ちちは ごご6時半 () うちへ かえります。

3. げつようび () () どのようび () () がっこうへ 行きます。

4. ちちは あまり テレビ () みません。

5. えいごのじゅぎょう () 9時半 () () 11時半 () () です。
6. A: どこ () しゅくだいを しますか。
B: うち () します。
7. ブンチャーは いくら () () () ですか。
8. まいにち 2じかん () () () プールで およぎます。
9. けんさんは きょうしつ () ひるね () します。
10. 7時 () () がっこうへ いきますか。
11. ランさんは としょかん () まんが () よみます。
12. かお () あらいます。それから、は () みがきます。
13. ちちは まいあさ 30分 () () () うんどうします。
14. わたし () ときどき せんたく () します。

Bài 3: Hãy đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi sau đây.

やまださんの いちにち

げつよう日から土よう日まで がっこうへ 行きます。11時半まで
べんきょうします。それからしょくどうで ひるごはんをたべます。
しょくどうの たべものは とてもおいしいです。そして、たかくないです。
日よう日に がっこうへ いきません。ごぜんともだちと としょかんへ 行きます。
そこでえいごの本^{ほん}をよみます。それから、カフェへ行きます。おちゃをのみます。
ごご5時にうちへかえります。よるテレビを みます。2時間ぐらいしゅくだいを
します。それから、10時にねます。

1. やまださんは 何よう日から 何よう日まで がっこうで べんきょうしますか。
2. どこで えいごの本を よみますか。
3. 日よう日に 何を しますか。
4. よる 何時間ぐらい しゅくだいを しますか。

Bài 4: Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

1. わたしは.....すもうをみません。

- A. いつも B. ときどき C.あまり D.まいにち

2.....10じはん.....ねます。

- A. ごぜん／ごろ B. ごご／ぐらい C. ごぜん／ぐらい D. ごご／ごろ

3. A: このオレンジジュースはおいしい.....。

B: そうですか。じゃあ、かいます。

- A. ですね B. ですよ C. ですか D.ではありません

4. 5時ごろ おきます。.....、うんどうします。

- A. いくら B. いいですね C. それから D. でも

5. 何時間.....にほんごを べんきょうしますか。

- A. でも B. ごろ C. そして D. ぐらい

6.で ぼうしを かいますか。

- A. なんじ B. どこ C. いくら D. どのぐらい

7. よる うちで.....を しますか。

- A. なんにん B. だれ C. なに D. どこ

8. デパートのなか.....カフェが あります。

- A. に B. は C. へ D. で

9. リンさんのかぞくはが いますか。

- A. 何時 B. どのぐらい C. なに D. だれ

10. A: ゆうびんきょくはからですか。

B: 8時からです。

- A. 何時間 B. 何 C. 何時 D. どのぐらい

Bài 5: Chọn câu đồng nghĩa với câu được gạch chân:

1. ごご 10時から ごぜん 6時まで ねます。

- A. 8時間 ねます。
B. 4時間 ねます。
C. 9時間 ねます。
D. 16時間 ねます。

2. 7時半から 11時半まで がっこうで べんきょうします。

- A. 5時間 がっこうで べんきょうします。
B. 4時間半 がっこうで べんきょうします。
C. 4時間 がっこうで べんきょうします。

D. 5時間半 がっこうで べんきょうしません。

3. まいにち ごぜん 6時から 6時半まで うんどうします。

A. まいにち 3ふん うんどうします。

B. まいにち うんどうしません。

C. まいにち 30ふん うんどうします。

D. まいにち 12時間 うんどうします。

4. わたしのかぞくは ちちと ははと あねが ふたり います。

A. かぞくは さんにんです。

B. かぞくは よにんです。

C. かぞくは ごにんです。

D. かぞくは ろくにんです。

5. ランさんは 月よう日から 金よう日まで がっこうで べんきょうします。

A. ランさんは 月よう日から 金よう日まで がっこうへ 行きません。

B. ランさんは 月よう日から 金よう日まで べんきょうしません。

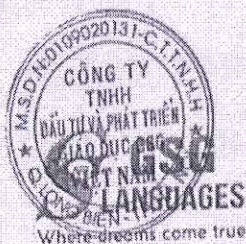
C. ランさんは 土よう日と 日よう日 がっこうで べんきょう します。

D. ランさんは 土よう日と 日よう日 がっこうへ 行きません。

Bài 6: Chọn từ có nghĩa khác loại:

- | | | | |
|-------------|-----------|----------|------------|
| 1. A. しゅくだい | B. あそびます | C. えんぴつ | D. しゅうせいえき |
| 2. A. としよしつ | B. こうえん | C. もくようび | D. しよくいんしつ |
| 3. A. ピアノ | B. まいしゅう | C. にちようび | D. いっしゅうかん |
| 4. A. やきゅう | B. バドミントン | C. ぎんこう | D. サッカー |
| 5. A. よみます | B. ひるね | C. およぎます | D. みがきます |

おわり



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC GSG VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ GSG

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II – LỚP 7
MÔN HỌC TIẾNG HÀN
NĂM HỌC 2022-2023

I: TỪ VỰNG

Bài 17	불고기: Thịt bò xào 잡채: Miến trộn 라면: Mì tôm 김치: Kim chi 좋아해요: Thích 싫어해요: Không thích, ghét 떡국: Canh bánh gạo 미역국: Canh rong biển 떡볶이: Bánh gạo cay
Bài 18	무늬: Hoa văn 귀여워요: Dễ thương 길어요: Dài 깨끗해요: Sạch sẽ 더러워요: Bẩn 똑똑해요: Thông minh 예뻐요: Đẹp 재미있어요: Thú vị 커요: Cao 나뭇잎: Lá cây
Bài 19	눈: Mắt 코: Mũi 입: Miệng

	귀: Tai 배: Bụng 발: Bàn chân 손: Bàn tay 머리: Đầu
Bài 21	취미: Sở thích 물고기: Con cá 악기: Nhạc cụ 야구: Bóng chày 영화: Phim 축구: Bóng đá 길러요: Nuôi 달려요: Chạy 연주해요: Trình diễn 쳐요: Chơi 청소해요: Dọn dẹp 혼자: Một mình

II. NGỮ PHÁP

1. N 을/를 좋아해요 / 싫어해요 : Thích / Ghét ...

을 : Sau danh từ có patchim

를 : Sau danh từ không có patchim

Ví dụ: 저는 불고기를 좋아해요. Tôi thích thịt bò xào

저는 라면을 싫어해요. Tôi không thích/ghét mì tôm

2. 무슨 : 'gì' (Dùng khi muốn hỏi về chủng loại của một sự vật nào đó)

Ví dụ: 무슨 음식을 좋아해요? . Bạn thích món ăn gì?

무슨 음료수를 좋아해요? . Bạn thích đồ uống gì?

3. 습니다, 습니까?

습니다: Duôi câu trần thuật (câu kể)

습니까? Duôi câu nghi vấn (câu hỏi)

+ Thân động từ có patchim + 습니다/ 습니까?

+ Thân động từ không có patchim + 습니다/ 습니까?

Ví dụ: 아이가 만화책을 읽 습니다. Em bé đọc truyện tranh
 엄마는 영화를 봄니까?. Mẹ xem phim phải không?

4. -기 (Gắn sau thân động từ, dùng để chuyển động từ thành danh từ)

Ví dụ: 제 취미는 야구하기에요. Sở thích của tôi là chơi bóng chày.
 저는 책 읽기를 좋아해요. Tôi thích đọc sách

5. 하고 : ‘ và, với’ (Dùng để liên kết 2 hay nhiều danh từ hoặc thể hiện hành động được thực hiện cùng với ai)

Ví dụ: 아침에 우유하고 빵을 먹어요. Uống sữa và ăn bánh mì vào buổi sáng.
 주말에 친구하고 야구해요. Cuối tuần chơi bóng chày với bạn.



CÂU HỎI ÔN TẬP / 복습 문제

[1-5] 그림을 보고 알맞은 것을 고르십시오.

(Nhìn tranh và lựa chọn đáp án đúng)

1.



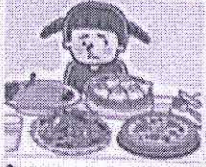
① 물고기

③ 미역국

② 나뭇잎

④ 음식

2.



- ① 재미있어요
③ 싫어해요

- ② 좋아해요
④ 똑똑해요

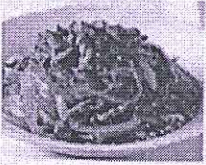
3.



- ① 길러요
③ 깨끗해요

- ② 길어요
④ 더러워요

4.



- ① 김치
③ 미역국

- ② 잡채
④ 떡국

5.



- ① 더러워요
③ 예뻐요

- ② 싫어해요
④ 절어요

[14-22] 다음을 보고 알맞은 것을 고르십시오.

(Hãy đọc và lựa chọn đáp án đúng.)

14. Món ăn truyền thống vào ngày tết của người Hàn Quốc là món ăn nào?

- ① 잡채 ② 냉면 ③ 떡국 ④ 갈비

15. Món ăn người Hàn Quốc ăn vào sinh nhật là món ăn nào?

- ① 김치 ② 송편 ③ 미역국 ④ 닭갈비

16. Từ "좋아해요" có cách phát âm như thế nào?

- ① [졸아해요] ② [종아해요] ③ [조하해요] ④ [조아해요]

17. Từ "싫어해요" có cách phát âm như thế nào?

- ① [싫러해요] ② [시러해요] ③ [싱러해요] ④ [시어해요]

18. 'Thông minh' trong tiếng hàn là gì?

- ① 똑똑해요 ② 예뻐요 ③ 커요 ④ 연주해요
19. Dịch câu sau: '저는 야구하고 농구를 좋아해요'

- ① Tôi thích bóng chày. ② Tôi thích bóng chày và bóng rổ.
 ③ Tôi không thích bóng đá. ④ Tôi không thích thể thao.
20. Điền tiêu từ thích hợp vào chỗ trống "저는 떡볶이 _____ 좋아해요".

- ① 을 ② 를 ③ 이 ④ 가
21. Dịch câu sau: "Tôi không thích mèo"

- ① 저는 강아지를 좋아해요. ② 저는 강아지를 싫어해요.
 ③ 저는 고양이를 좋아해요. ④ 저는 고양이를 싫어해요.

22. Chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi sau "무슨 주스를 좋아해요?"

- ① 주스를 좋아해요. ② 우유를 좋아해요.
 ③ 사과 주스를 좋아해요. ④ 오렌지 주스를 싫어해요.

[23-25] 무엇에 대한 이야기입니까?

(Câu chuyện viết về cái gì?)

23. 나는 강아지를 좋아해요. 동생은 기린을 좋아해요.

- ① 취미 ② 가족 ③ 음식 ④ 악기

24. 한국 사람들이 설날에 떡국을 먹어요. 그리고 생일에 미역국을 먹어요.

- ① 야구 ② 음식 ③ 이름 ④ 고향

25. 이 사람은 우리 어머니입니다. 그 사람은 우리 아버지입니다.

- ① 부모 ② 학교 ③ 동물 ④ 주스

[26-28] 다음을 보고 빈칸에 들어갈 알맞은 것을 고르십시오.

(Lựa chọn từ đúng điền vào chỗ trống)

을/를	무슨	하고
-----	----	----

26. 우리 친구는 비빔밥 _____ 좋아해요.

27. 주말에 공원에서 유진 씨 _____ 민수 씨를 만나요.



28. 시장에서 _____ 옷을 사요?

[29-31] 다음 문장들을 주어진 말꼬리 모양으로 나누어 주세요.

(Hãy chia các câu sau theo đúng dạng đuôi câu đã cho)

29. 저는 떡국을 먹다 (아요/어요)

_____.

30. 학생이 도서관에서 책을 읽다 (ㅂ/습니다)

_____.

31. 내일 어디에 가다 (ㅂ/습니까?)

_____.

[31-35] 다음 글을 잘 읽고 맞는 것을 고르십시오.

(Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng)

토야는 우리 친구예요. 토야는 눈이 예뻐요. 코가 커요. 그리고 아주 똑똑해요.
토야는 토끼를 길러요. 토끼가 귀여워요.
하윤은 토야의 동생이에요. 하윤은 예뻐요. 하윤은 강아지를 좋아해요. 토끼를 안
좋아해요.

32. 토야는 무슨 동물을 길러요?

① 강아지

② 고양이

③ 토끼

④ 돼지

33. 하윤은 누구입니까?

_____.

34. 토야는 코가 작아요?

_____.

35. 하윤은 무슨 동물을 안 좋아해요?

_____.